

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
**CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI GIÁO VIỆT NAM**  
**HỘI ĐỒNG NGHIÊN CỨU GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

**TÀI LIỆU ĐÚC KẾT GIÁO LÝ THUẦN NHẤT CHO ĐẠI ĐẠO**  
**TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

**ĐỆ TAM TAM CÁ NGUYỆT KỶ MÙI**

**1979**

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

### HƯỚNG VỀ GIÁO LÝ THUẦN NHẤT CHO ĐẠI ĐẠO

#### LỜI NÓI ĐẦU

Từ 4 năm nay, song song với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý các Tôn giáo hoạt động thường xuyên với sự cộng tác của nhiều đạo tâm và các nhân sĩ, học giả. Đây là một sinh hoạt nghiên cứu thuần túy, có công dụng to tát đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý và sẽ là một động năng quan yếu cho cuộc Đại Đồng Công Dụng mai sau của Đại Đạo. Bởi thế, khi Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý bắt đầu thu liễm được Giáo Lý Đại Đạo cũng là lúc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam chuyển mình trở thành Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Để đánh dấu thành quả đầu tiên của Hội Đồng, và để làm thế tựa sơ khởi cho công cuộc Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội Đồng có nhiệm vụ phải “tổng hợp các đề tài nghiên cứu của các Ban (Nghiên Cứu giáo lý các tôn giáo) và đúc kết thành Giáo Lý Thuần Nhất cho Đại Đạo trong giai đoạn thứ nhất.”<sup>1</sup>

Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn Hội Đồng đã hoàn thành 7 đề tài đối chiếu tổng hợp” gồm có :

Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.

Con đường phản bốn hoàn nguyên.

Đạo phụng sự đời.

Giải thoát.

---

<sup>1</sup> Thánh lệnh Đức Giáo Tông Đại Đạo ngày Rằm tháng Giêng Kỷ Mùi 11.2.1979

Thiên đàng hay Niết Bàn.

Con người

Tự lực hay tha lực.

Trong đó đề tài “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể “ là nguyên lý chung của ba phạm trù vũ trụ, con người và đạo pháp được khai triển trong các đề tài kia. Do đó cuộc đúc kết của giai đoạn này là dùng nguyên lý “thiên địa vạn vật nhất thể” để nhất quán ba phạm trù nói trên tạo thành một giáo lý thuần nhất phù hợp với trọng tâm của tất cả các tôn giáo.

Bản đúc kết này nếu đạt được những ước vọng nói trên sẽ có những ý nghĩa rất quan trọng trong bối cảnh lịch sử nhân loại, lịch sử các tôn giáo và sẽ đưa ra một ý hướng ban đầu cho cuộc Đại Đồng nhân loại ở tương lai.

### **Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐỀ XUẤT MỘT GIÁO LÝ THUẦN NHẤT :**

### **Ý NGHĨA TRONG BỐI CẢNH LỊCH SỬ NHÂN LOẠI :**

Đó là ý nghĩa của một công trình góp phần đáp ứng nhu cầu tinh thần của thời đại này sau khi loài người kinh qua các giai đoạn lịch sử tư tưởng của nó.

Theo K. JASPERS, lịch sử loài người chia ra 4 thời kỳ :

“Thời kỳ sơ khai : chỉ có thể ước đoán rằng : lúc ấy là lúc con người biết nói năng, biết phát minh những dụng cụ, biết nhóm lửa và sử dụng lửa....Lúc đó con người

mới thành con người, đối lập lại tình trạng khi con người mới chỉ là sinh vật mà ta khó tưởng tượng nổi.

“Tiếp đó vào khoảng năm 5.000 đến năm 3.000 trước Tây lịch, mới thấy xuất hiện mất nền văn minh lớn thời xưa ở Ai Cập, Mésopotamie, An Độ và sau đó ít lâu ở Trung Hoa, trên lưu vực sông Hoàng Hà.

“ Rồi vào khoảng 500 năm trước Tây Lịch trong thời kỳ từ năm 800 đến 200, đã thấy đạt được vững chãi những căn bản tinh thần của nhân loại mà ngày nay nhân loại vẫn còn phải khai thác những tinh túy của tinh thần ấy. Hiện tượng vĩ đại ấy đã xảy ra đồng thời nhưng biệt lập cả ở Trung Hoa, cả ở An Độ, cả ở Ba Tư, cả ở Palestine và ở Hy Lạp.

“Sau cùng, từ ấy đến nay, chỉ xảy ra một biến cố mới mẻ, độc đáo hoàn toàn và quyết liệt về mặt tinh thần cũng như về mặt vật chất, và gây ra ảnh hưởng trên lịch sử nhân loại không kém gì những thời kỳ đi trước. Đó là sự xuất hiện của các khoa học và kỹ thuật. Biến cố ấy đã phôi thai ở Âu Châu vào cuối thời Trung cổ; rồi về mặt tinh thần, nó đã được thiết lập vào thế kỷ 17; sau cùng nó đã bành trướng rộng rãi từ cuối thế kỷ 18. Sức bành trướng ấy lại lan rộng gấp rút từ vài chục năm gần đây thôi “<sup>2</sup>

Nhìn khái quát lịch sử nhân loại như trên chúng ta có thể nhận định được hai chuyển biến lớn có ý nghĩa rất quan trọng :

Chuyển biến tinh thần của thời trục chung quanh thời kỳ 500 năm trước Tây lịch.

Chuyển biến của thời đại chúng ta.

---

<sup>2</sup> Triết học nhập môn. K.Jaspere – Lê Tôn Nghiêm dịch – tr.192-193

Thời trực :Thời trực là thời ở Trung Hoa có Khổng Tử, Lão Tử, Mặc Tử, Liệt Tử, Trang Tử ra đời truyền bá những tư tưởng rất đặc sắc.

Bên An Độ, lúc ấy là thời kinh Upanishads được biên soạn và là thời đại của Phật Thích Ca. Ở đây thấy người ta đã khai triển mọi khả năng triết lý....

Ở Ba Tư, Tiên tri Zarathoustra rao giảng vũ trụ quan bi thảm của ông, và theo ông, vũ trụ này luôn luôn bị phân tranh, xâu xé giữa hai sức mạnh mâu thuẫn là Thiện và Ác.

Rồi ở Palestine thấy xuất hiện những tiên tri từ Elie, qua Esaie và Jérémie cho tới Esaie hai.

Bên Hy Lạp thì có Homère, những triết gia như Parménide, Hécralite, Platon, những bi kịch gia, rồi Thucydide và Archimède.<sup>3</sup>

Những tên tuổi ấy mới gọi lên được phần nào những gì cao cả đã xuất hiện trong mấy thế kỷ ấy, hầu như đồng nhịp ở Trung Hoa, An Độ và Tây Phương, mà những nhân vật ấy lại không biết nhau.<sup>4</sup>

Nhưng đặc điểm chung của thời này là một cuộc phản tỉnh đồng loạt của tinh thần nhân loại xuyên qua các bậc Giáo chủ, Thánh Hiền kể trên sau khi lịch sử nhân loại đã trải qua những sụp đổ nhân bản, điều tàn nhân tính, tạo nên nhiều loạn ngoài xã

<sup>3</sup> Sách đã dẫn tr.195-196-197

<sup>4</sup> Những nhân vật sau công nguyên của thời trực là JESUS CHRIST ( - 6 đến 30 sau CN)  
MAHOMET (570-632 sau CN.)

hội, bị dặt trong lòng người. K.JASPERS cho rằng con người lúc ấy. “Kinh nghiệm thấy cuộc đời đầy nguy hiểm và thấy mình lại bất lực nên họ mới đặt ra những câu hỏi thiết yếu và quyết liệt và khi thấy mình đứng trước vực thẳm mở rộng, con người ước mong được giải thoát và được cứu rỗi. Rồi mỗi khi ý thức được giới hạn của mình, con người mới đồng thời theo đuổi chuẩn đích cao cả tuyệt vời. Và trong ý thức sâu thẳm của chủ thể dưới ánh sáng của siêu việt thể, con người đã bắt gặp được Tuyệt đối”

...”Nếu thể về điểm này ta thấy không có gì khác nhau giữa những ẩn sĩ và triết gia du mục ở Trung Hoa, các nhà khổ tu ở Ấn Độ, các triết gia Hy Lạp, các Tiên tri Do Thái, tuy tín ngưỡng lối sống và con đường nội tâm của họ rất khác nhau. Ở đây con người có thể tự nội tâm thoát ly trần gian và nhìn trần gian toàn diện trước mắt. Vì tự trong họ, họ đã khám phá ra được nguồn cuối nguyên thủy giúp họ vượt lên trên chính mình và lên trên cả thế gian”.

Đó là chuyển biến lớn lao trong nội tâm loài người lập thành các tôn giáo lớn trên thế giới để hướng dẫn con người sống có ý nghĩa và hướng về tương lai cao đẹp.

Trong khi lý tưởng của Thời Trục lưu truyền thăng trầm qua thời gian thì lịch sử ừng đổi thay qua những khám phá, những phát sinh mới, tác động vào tinh thần con người làm chuyển biến cách sống, cách nghĩ cho đến thế kỷ thứ 19 thì khoa học kỹ thuật chi phối sạch sẽ đời sống con người. Thời đại của chúng ta bắt đầu từ đây.

b.Thời đại chúng ta : Thời đại chúng ta là thời đại sùng thượng khoa học vì khoa học đã cải thiện vượt bậc đời sống vật chất của con người như những phép lạ. Con người bắt đầu dùng khoa học để giải thích mọi thực tại thuộc về vũ trụ, thuộc về con người một cách có chứng lý, có kiểm nghiệm; do đó những triết thuyết, những giáo lý không dựa vào phương tiện của khoa học bắt đầu bị ngấm ngấm và đến thế

kỷ 10 thì người ta đã công khai bất chấp, để rồi đi đến sự chống đối các đạo giáo và chối bỏ luôn cả Thượng Đế.<sup>5</sup>

Nhưng chính nhờ những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, loài người ngày càng nhận thấy vũ trụ quá vĩ đại, quá phức tạp đối thay vật chất càng được phân tích càng trở nên tế nhị trừu tượng không thể đo lường tính toán nổi; các hiện tượng thiên nhiên càng được khảo sát càng trở nên vượt khỏi khả năng ước định của khoa học. Cho nên bước sang thế kỷ 20 người ta phải xác nhận có những định kiến mang danh nghĩa khoa học của thế kỷ 19 là lầm lạc, thiển cận, hẹp hòi ....<sup>6</sup> Và tâm hồn con người vẫn xao xuyến, thế giới vẫn còn nhiều thăm thẳm trạng chiến tranh, chiến tranh bằng vũ khí khoa học...Các nhà tư tưởng, các triết gia khắp nơi đang tìm một lối thoát cho loài người và nhu cầu của một thời trực thứ hai đã nhen nhúm. Đặc biệt là các khuynh hướng hướng ngoại của Tây Phương bắt đầu dò dẫm con đường hướng nội của Đông Phương....Tư tưởng nhơn loại sắp lấy đà hiệp nhất.

“Một đặc điểm mới mẻ nữa là ngày nay lịch sử ở thời đại lần đầu tiên đã trở thành một lịch sử chung cho cả thế giới. Vì nhờ những phương tiện giao thông dễ dàng, thế giới đã gần gũi nhau kết thành một khối nhất trí....Vì vậy những gì ta gọi là “lịch sử”, ngày nay phải mang một ý nghĩa mới : đó là việc con người cố gắng tìm gặp nhau, đoàn kết với nhau để hoạt động trong viễn tượng lịch sử cho cả thế giới”<sup>7</sup>

Như thế, xuyên qua hai biến chuyển lớn của nhân loại: Thời trực và Thời đại chúng ta, chúng ta nhận thấy rằng ngày nay loài người đang bị thôi thúc tìm kiếm một căn bản tinh thần có giá trị phổ quát cho mỗi người như Thời Trực và có tính quyết định cho lịch sử chung của thế giới phù hợp với Thời đại chúng ta.

---

<sup>5</sup> Xem LECOMTE DU NOUY và Học thuyết Viễn Đích – BS. Nguyễn Văn Thọ, tr.47

<sup>6</sup> Sđd, tr.82

<sup>7</sup> K. JASPERS, Sđd, tr.200-201

Do đó việc đưa ra một giáo lý thuần nhất, dù chưa kể đến ý nghĩa tôn giáo, xét về phương diện lịch sử tư tưởng nhân loại, trở nên một công trình cấp thiết có ý nghĩa cứu cánh trong bối cảnh thời đại.

## **Ý NGHĨA TRONG BỐI CẢNH LỊCH SỬ TÔN GIÁO :**

Trên lãnh vực tôn giáo, nếu ta lấy hai cái mốc của lịch sử nhân loại là Thời Trục và Thời Đại chúng ta, ta thấy tôn giáo cũng đã diễn biến theo chiều hướng ngoại như mọi sinh hoạt khác của con người. Thời Trục là thời các Bậc Giáo Chủ chứng đắc Đại Đạo, đem chính đời sống của mình trực tiếp dìu dắt thiên hạ sống theo đạo lý. Sau khi các bậc ấy qua đời thì kinh điển được tập thành, hình tượng, nghi thức ngày càng phát triển, và mỗi ệ phái tổ chức thành một tôn giáo. Do đó các tôn giáo trở nên các hình thức bên ngoài của Đạo và hình thức càng nhiều thì Đạo càng bị che lấp, đi ngược lại chân truyền mà Đức BỒ ĐỀ ĐẠT MA đã nêu thành khẩu quyết :

“ Bất lập văn tự

Trực chỉ nhân tâm

Kiến tánh thành Phật”

Và Lục Tổ Huệ Năng nhắc nhở :

“ Phật tự Tính trung tác,

Mạc hướng thân ngoại cầu”

( Pháp Bảo Đàn Kinh Quyết Nghi Phấn)

cũng như CHÚA đã phán :

“Lề luật mà Ta truyền dạy người hôm nay không có ở ngoài tâm kích người....Đạo ở kề bên người, Đạo ở trong miệng, trong lòng người để người có thể đem thực hiện”.

(Deutéronome 30; II-I3

Bible de Jerusalem – 206)

Cho đến thời đại chúng ta thì có hai sự kiện nổi bật hiện ra :

Nhiều tín đồ của các tôn giáo đã đánh mất chân truyền khiến cho tôn giáo bị chỉ trích, đả phá và tôn giáo trở nên bất lực trước những thảm trạng tương tàn của nhân loại.

Các tôn giáo khác nhau được truyền bá khắp nơi trên thế giới, trong mỗi quốc gia dân tộc đều có nhiều tín ngưỡng khác nhau và do ở lòng sùng tín độc tôn hay cố chấp thái quá, nhân loại đã chia rẽ lại càng thêm tranh chấp vì phân biệt tôn giáo.

Nhưng mặt khác, ở giữa cuộc suy thoái nói trên, có nhiều bậc thức giả nhận định được chân giá trị của tôn giáo và đề ra đường lối để các tôn giáo đạt được cứu cánh của mình mà không còn bị sa đà mãi trong hình thức, trong nghi lễ hay danh nghĩa hảo huyền.

Như nhà bác học LE COMTE DU NOUY (1883-1947) đã có những phát kiến sâu sắc như sau :

Tinh hoa đạo giáo đã sẵn có trong ta, có trước cả sự lập thành tôn giáo.

Tôn giáo cũng như Thánh hiền chỉ có bốn phận khai thông và giúp con người phát triển thiên tính phú bẩm ấy để họ được hạnh phúc và biết đường tiến tới vinh hũa, thực hiện một tâm thần siêu đẳng.

Đại Đạo có một, tại đáy lòng con người, tôn giáo có ngàn, biến thiên tùy thủy thổ thời thế; mọi người phải cố gắng tiến từ tôn giáo bên ngoài về Đại Đạo bên trong.<sup>8</sup>

Như linh mục DE MONTCHEUIL đã nêu cao tính chất đại đồng phổ quát của một siêu việt thể tuyệt đối duy nhất thể hiện qua “Thiên Chúa” để đả phá tư tưởng kỳ thị tôn giáo rằng:

“ Người ta hiểu sai siêu việt tính của Thiên chúa giáo nếu người ta tin rằng siêu việt tính ấy cấm người ta tìm một giá trị tôn giáo nào ngoài mặt khải của Thiên Chúa Giáo và của Hội Thánh Công giáo.”<sup>9</sup>

Cũng như PAUL TILLICH viết một cách dứt khoát :

“Tôn giáo không thể đi đến cùng, và một tôn giáo đặc thù sẽ dẫn đến chỗ tự nó phủ nhận vai trò tôn giáo của nó. Cho nên KITO Giáo sẽ là người mang sứ điệp cứu cánh một khi tôn giáo này tự cởi bỏ hết tính đặc thù cá biệt”<sup>10</sup>

---

<sup>8</sup> Xem Le Comte du Nouy và Học Thuyết Viễn Đích – Nguyễn Văn Thọ, tr.309-310

<sup>9</sup> Aspects de l'Eglise p.164 – Dẫn theo Thiện Cẩm, KITO giáo với các tôn giáo khác tr.38

<sup>10</sup> Christianity and Comparative Religion – J.N.D. ANDERSON – 1972, p.35

Và Đại Sư VIVEKÂNANDA đã thể hiện tinh thần nhất nguyên đối với các tôn giáo khi Ông minh xác rằng :

“Nếu bạn tìm một tôn giáo toàn thế giới có thể áp dụng cho tất cả mọi người, thì tôn giáo đó không phải là một cuộc chấp nối suông những tín ngưỡng khác nhau, mà nó phải lấy những tín ngưỡng đó tạo thành tổng thể, phải bao gồm mọi trình độ phát triển tôn giáo”<sup>11</sup>

Tất cả những tư tưởng trên đây là những luồng gió mới xuất hiện khắp Đông Tây đã làm phát khởi phong trào “đối chiếu tổng hợp giáo lý các tôn giáo khắp thế giới như J.N.D ANDERSON viết trong cuốn “KITÔ Giáo và Tôn giáo đối chiếu” Trong những năm gần đây (thập niên 70) mầm móng của những hoạt động tổng hợp đã phát minh trên nhiều địa hạt tôn giáo khác nhau. Như trên nền tảng Ấn Giáo, có sứ mạng của RAMAKRISHNA và phong trào Thông Thiên Học mà mục tiêu là “ Chống lại sự suy thoái khỏi chân lý lâu đời từng là nền tảng của mọi tôn giáo; vạch rõ cội nguồn chung mà mọi tôn giáo phát sinh từ đó”<sup>12</sup>

Trong lúc ấy, A. OEPKE đưa ra quan điểm tổng hợp tôn giáo rằng “Tổng hợp đích thực luôn luôn được dựa trên một tiên kiến xem mọi tôn giáo công truyền chỉ là phản ảnh của một tôn giáo nguyên thủy phổ quát; và các tôn giáo ấy đã dần dần biểu hiện những sự khác biệt. Cho nên mục tiêu Tổng Hợp có thể định nghĩa là “quan điểm phủ nhận một thiên khai duy nhất riêng biệt trong lịch sử; chủ trương có nhiều đường lối để tiến đến thực tại thiêng liêng mà mọi hình thức tôn giáo là sự thể hiện bất xứng của thực tại ấy. Cho nên cần phải hòa điệu đến mức tối đa mọi tư tưởng, và mọi kinh nghiệm tôn giáo để lập thành một tôn giáo phổ quát cho nhân loại”<sup>13</sup>

---

<sup>11</sup> Nhất nguyên thế giới – Thạch trung giả dịch, tr.228

<sup>12</sup> J.N.D ANDERSON – Sdd, tr.14

<sup>13</sup> Dẫn theo ANDERSON – Sdd tr.12

Phong trào tổng hợp cũng tìm thấy ở Nhật với phù hiệu của “ITTOEN” – Vườn Anh Sáng – là một “swastika” – chữ vạn – I thập tự ở trung tâm và hình mặt trời phía sau mà lời cầu nguyện của nó là : “Xin dạy chúng tôi tôn thờ tinh hoa mọi tôn giáo, xin giúp chúng tôi học được chân lý thuần nhất”<sup>14</sup>

Nhưng có lẽ một trong những niềm khích lệ lớn lao cho những lời cầu nguyện trên đây của thế giới là hồi chuông ngân vang từ Công đồng VATICAN II của Hội Thánh Công Giáo : Ngày 18 tháng 11 năm 1964, khi trình bày bản Tuyên Ngôn NOTRA ÂETATE (Thời đại chúng ta) với các nghị phụ họp tại đền thờ Thánh Phêrô, trong một phiên họp của Công đồng VATICAN II, Đức Hồng Y BÉA có nói :

“ Xin cho phép tôi nhấn mạnh sự quan trọng của Bản Tuyên Ngôn này, với tính cách nó liên hệ tới các tôn giáo ngoài KITÔ giáo. Đây là lần đầu trong lịch sử Hội Thánh một Công Đồng đã trình bày những nguyên tắc về vấn đề này một cách long trọng đến thế”.

Và câu nói sau đây của Ông còn đáng chú ý hơn nữa :

“ Hội Thánh có thể đối thoại bằng cách công nhận những giá trị tâm linh và luân lý đạo đức hiện có trong mọi tôn giáo, và bằng cách cảm mến chân thành tín đồ của các tôn giáo ấy. Thật vậy, những người sống theo tiếng lương tâm ngay thẳng của họ chỉ dẫn đều hiệp nhất với Đức KITÔ và Thân thể máu nhiệm của Người, nhờ một niềm tin ẩn tàng, trong lúc chờ đợi họ sẽ nhận biết Đức KITÔ và chia sẻ những nguồn phong phú của Ngài “<sup>15</sup>

---

<sup>14</sup> Sđd, tr.14

<sup>15</sup> KITÔ giáo với các TG khác – Thiện Cẩm, tr.11, Do GM.M. COTTER trích dẫn trong bài L’histoire de la Déclaration in trong Tác phẩm chung do AM. HENRI điều khiển, Cerf-Paris 1966, Coll. “unam sanctan” 61, tr.37

Đến khi Bản Tuyên Ngôn thời đại chúng ta ra đời, chúng ta ra đời, chúng ta đã nhận thấy rõ ràng là lịch sử nhân loại ngày nay, với những tiến bộ khoa học kỹ thuật của nó lịch sử tôn giáo thế giới trước nhiều hình thức đa tạp tương quan nhau hằng ngày đã cùng thúc đẩy loài người đi đến một nhận định chung về đồng nhất tính của mình và nêu lên niềm khắc khoải chung về định mệnh của mình.... mà các tôn giáo đều tự thấy có bốn phận phải đứng trên vị trí đại đồng để giải đáp cho thời đại, trong đó điển hình là Bản Tuyên Ngôn “NOSTRA AETATE “ đã được mở đầu như sau :

“Thời đại chúng ta, lúc mà nhân loại mỗi ngày một liên kết chặt chẽ hơn và tương quan liên lạc giữa các dân tộc tăng thêm, Hội Thánh cứu xét một cách chăm chú xem thế nào là thái độ của mình đối với các tôn giáo ngoài KITÔ giáo. Trong sứ mệnh phát động sự hiệp nhất và tình Bác ái giữa mọi người và hơn thế nữa, giữa các dân tộc Hội Thánh, trong Bản Tuyên Ngôn này, trước hết xét đến cái mà mọi người đều có như một “di sản chung” và nó thúc đẩy tất cả cùng sống định mệnh của mình....Người ta chờ đợi ở các tôn giáo khác nhau ột câu trả lời cho những bí ẩn của thân phận con người hôm qua cũng như ngày nay và làm cho tâm hồn con người hôm qua cũng như ngày nay và làm cho tâm hồn con người rất đổi xao xuyến : Người ta là gì ? Đây là ý nghĩa và đích của cuộc sống ? Sự thiện là gì và sự ác là gì ? Đây là nguồn gốc và đích của đau khổ ? Đây là đường đưa tới hạnh phúc thật ? Sau hết mầu nhiệm cuối cùng và khôn tả bao quanh hiện hữu của chúng ta là gì, chúng ta từ nguyên thủy nào mà đến và chúng ta sẽ đi đâu ?”<sup>16</sup>

Như thế căn cứ trên những chuyển biến của tôn giáo thế giới với những phong trào đối chiếu tổng hợp, với những vấn nạn chung trong bản Tuyên Ngôn nói trên, ta thấy việc góp phần xây dựng một căn bản tư tưởng đại đồng là nhiệm vụ chung của loài người và trên lĩnh vực tôn giáo thế giới, đúc kết một giáo lý thuần nhất là sứ mạng của mỗi tôn giáo.

---

<sup>16</sup> Sđd, tr.21-22

Nhìn lại Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nếu hiểu theo nghĩa rộng nhất của danh hiệu này trong khung cảnh lịch sử tôn giáo thế giới ngày nay, chúng ta có thể tin rằng đây là cuộc hình thành một mạng lưới vô vi bao trùm nhân loại, tạo nên một thời trức mới, một cuộc vận động mới nhưng mạnh mẽ và rộng lớn hơn thời trức trước, hay có thể nói “một thế pháp” xuyên qua muôn ngàn hạt nhân tâm linh đang phát động muôn ánh từ quang sâu thẳm nhất của những người sứ mạng.

Cho nên trong Cao Đài Giáo, sau 50 năm lập thành Chánh Pháp giữa thời điểm này, một Bộ máy tập hợp các nguyên nhân đại đồng được thành lập, gọi là bộ máy Sau cùng của Cao Đài, chứng tỏ một nhu cầu cấp thiết có tính chất quyết định và phù hợp kịp thời với thời đại, với Cơ Đạo mà danh hiệu chính thức khởi đầu là :

“ CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI GIÁO VIỆT NAM “

Năm chữ “Cao Đài Giáo Việt Nam” làm cho chúng ta có cảm đây là một Cơ quan cá biệt của nội bộ Cao Đài và mang tính chất dân tộc riêng rẽ, nhưng thực ra nó ám chỉ một mắt lưới, một hạt nhân trong mạng lưới chung của thế giới qua sứ mạng đã minh định như sau :

PHỔ là rộng khắp cùng thế giới,

THÔNG là nguồn suốt tới muôn phương;

GIÁO là dạy nẻo chỉ đường,

LÝ là lẽ thật chủ trương hòa bình”

(Giáo Tông Đại Đạo – Đoàn 20.5 At Ty –

19.6.1965)

Vậy chức năng của Cơ Quan này là chức năng “Phổ Thông Giáo Lý “ mà “Giáo lý” đây là NGUỒN LÀ LỄ THẬT. Mà NGUỒN và LỄ THẬT đây là “GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO “ được Đức CHÍ TÔN mình định rằng :

“ Giáo lý hay Chơn lý Đại Đạo không phải là lý thuyết trừu tượng mông lung, mà là thực thể Đạo cứu thế nghe À !”

(Đàn 30.1.Canh Tuất, 29.10.1970)

Có nghĩa là, như lời Đức Giáo Tông Đại Đạo, “Giáo lý Đại Đạo không là lý thuyết suông ở nhan đề Từ Bi, Bác Ai, Công Bình. Giáo lý Đại Đạo phải xuất phát từ tâm linh của người hành giả giữa nhân sinh cũng ví như ngọn đuốc thần trong đêm tối mới được” ( 18.1.Tân Hợi, 13.2.1971)

Như thế một Giáo Lý mang danh nghĩa là “GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO” khi nào nó có tính thuần nhất đối với tâm linh của mỗi người, đối với tinh hoa của mọi tôn giáo. Và để “kịp thời tiến tới chỗ Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo”<sup>17</sup> phải có một cơ cấu tiếp thu tổng hợp tinh hoa các tôn giáo và một động năng “phóng khai ánh sáng chơn lý”<sup>18</sup>. Động năng ấy chính là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý và cơ cấu kia chính là Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý, Hội Đồng đã

“ Đã (bốn) năm qui tụ tâm linh,

Hướng về giáo lý dị danh,

Hướng về Đại Đạo dị hình đồng nguyên...

Là Hội trường :

<sup>17</sup> Lời Đức Đông Phương Chương Quân, Đàn ngày Rằm tháng 4 Bính Ngọ 3.6.1966

<sup>18</sup> -nt-

“ Hội trường khêu ánh tâm đăng,

Hội trường qui tụ khả năng đại đồng “

(Đức Vô Cực Từ Tôn, ngày 12.8 Mậu Ngọ –13.9.1978)

Tóm lại, đứng trước trào lưu Tổng Hợp Giáo Lý của tôn giáo thế giới, trước niềm khao khát một căn bản tinh thần của nhân loại Hội Đồng nghiên Cứu Giáo Lý và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là một thành phần của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đang thực hiện sứ mạng góp phần vào “ lịch sử chung” và sắp hoàn thành Bản Đức Kết Giáo Lý Thuần Nhất cho Đại Đạo trong giai đoạn thứ nhất với một ý hướng lấp vào nền tảng ban đầu của cuộc Đại Đồng nhân loại bằng viên gạch “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”

### III. Ý HƯỚNG CỦA BẢN ĐỨC KẾT :

Như đã thấy xuyên qua lịch sử nhân loại và lịch sử tôn giáo thế giới, vấn nạn của thời đại là tìm một “di sản chung” và một “định mệnh chung”. Một di sản chung siêu việt trên cả không gian, thời gian phải là một “Bản Thể Tuyệt đối” và một định mệnh chung bất di bất dịch phải do một “Nguyên Lý Tuyệt Đối”. Vậy phải có một “Trung tâm điểm Tuyệt đối Duy nhất” của vũ trụ làm Bản Thể bao dung vạn hữu và tác động vào cuộc tiến hóa của vạn hữu như một nguyên nhân vĩnh cửu mà cũng là cứu cánh tối cao.

Do đó, một giáo lý thuần nhất của các tôn giáo trước hết phải dựa trên nguyên lý “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể “ bởi vì nguyên lý ấy hàm tàng sự xác tín :

một Tuyệt đối thể thẩm nhuần đồng nhất trong vạn hữu.

Một nguyên lý phóng phát sinh hóa vạn hữu từ trung tâm Tuyệt đối thể ấy.

Một chu trình tiến hóa của vạn hữu theo qui luật “nhất bốn tán vạn thù, vạn thù qui nhất bốn...”

Nghiên cứu giáo lý các tôn giáo một cách có hệ thống, chúng ta thấy, tựu trung, các tôn giáo đều xây dựng một phạm trù Đạo pháp ứng dụng cho phạm trù nhân sinh sao cho đối tượng này sinh hoạt phù hợp với bản chất, tính chất và năng lực của nó trong đại hệ thống vũ trụ. Do đó một giáo lý thuần nhất của nhân loại vốn đã sẵn có từ vạn cổ, y như sự thực hữu của vũ trụ từ bản nguyên, sinh hóa và dịch biến trong một qui luật không bao giờ thay đổi. Tác dụng của Giáo lý chơn chánh chỉ nhằm làm con người giác ngộ sự thực hữu ấy và quán thông qui luật ấy.

Vậy Giáo lý thuần nhất phải được đặt trên nền tảng Bản thể tối sơ của vũ trụ nghĩa là hình dung một vũ trụ nhất thể phóng phát tạo hóa, bao dung và thẩm nhập vạn hữu.

Kế đó, giữa lòng vũ trụ ấy, được đặt vào một phạm trù nhân sinh tiểu vũ trụ tiến hóa qui hoàn về Bản Thể.

Rồi tất cả phương tiện để giác ngộ, chơn lý để sống đích thực và khai triển hai phạm trù nói trên, được hệ thống lại thành một phạm trù đạo pháp nhất quán.

#### **IV. LÀM THỂ NÀO ĐỂ ĐẠT TÍNH THUẦN NHẤT THỰC SỰ :**

Ý hướng để xây dựng Giáo lý thuần nhất đã có nhưng yếu tố quan trọng để cho công trình đúc kết có thực chất thuần nhất là phải có tinh thần tổng hợp đích thực xoay quanh một Lý Duy Nhất của tư tưởng Đông Tây, Cổ Kim Giáo lý. Như thế chủ tâm đúc kết phải phát khởi từ đâu ?

- Lecomte du Nouy đáp : “ Chính tự nơi tâm linh nghĩa là nơi giá trị phổ quát trong con người mà tìm đến sự hiệp nhất các tôn giáo chứ không phải nơi phạm ý hay trong các giáo thuyết “<sup>19</sup>

Ong nói tiếp “ Từ mấy ngàn năm, các giáo lý đã đổi thay, đã được tô điểm hoặc phê pha nhưng việc tìm lại dấu vết mặc khải thuần nhất tiềm ẩn trong đó ở khắp bốn phương không phải là nan giải. Chính trong mặc khải huyền nhiệm hàm chứa tính nhất nguyên của tư tưởng con người, đôi khi những tư tưởng ấy chỉ là truyền thống xa xôi nhưng các cố gắng của các tôn giáo phải xác định được bằng cách làm bật ra tính đồng nguyên truyền đạt qua bao thế kỷ “<sup>20</sup>

Trong lúc ấy, LAMRENCE HYDE viết “ Giữa những tư tưởng trái ngược nhau và giữa những nhầm lẫn, người học giả có thiện chí có thể phát họa những đường nét nổi bật của nền Tân Tôn Giáo chứng tỏ là đất lành của một Kỳ Đài (The Temple) trong đó mọi thành quả tinh thần của chúng ta đều trở nên thiêng liêng. Cái cấu trúc tự thể hiện ra lúc ấy là Căn cơ Tuyệt đối (absolutely fundamental) của một Tôn giáo Minh triết mà nhu cầu tâm linh đòi hỏi Nó phải ngoại giới và mọi qui luật : Đó là Đạo “Huần nguyên” (leads back to Origin) và là tuân phục Thánh gia (follows the Pattern of the Cross)

Đó là những tư tưởng điển hình của thời đại đã tô đậm nét cho con đường đi đến “vạn giáo nhất lý” là ánh sáng minh triết của nhân sinh thống nhất với cuộc vận chuyển

<sup>19</sup> LECOMTE DU NOUY, la Dignité humaine – p.143-144

L.DU NOUY và HT. VIỄN ĐÍCH – Nguyễn Văn Thọ – tr.127

<sup>20</sup> La Dignité humaine, p 143-144 – NVT, tr.137 – tr. 336

Thiên cơ qua sự thông công của các hàng sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay, tức là :

“Hội Tam Kỳ, qui nguyên Tam giáo,  
Gồm Thánh, Nho, Gia, Lão một nhà;  
Vì đời chia bảy xẻ ba,  
Phải đem tôn chỉ dung hòa năm Châu”  
(Trích Thánh Giáo Đức Bát Nhã Thiên Sư  
Minh Lý Thánh Hội)

Thế nên, tôn chỉ qui nguyên Tam giáo là ngọn cờ tổng hợp Giáo lý khởi phát ở Á Đông để mở đường thụ đắc Chánh Pháp Đại Đạo, lấy đó làm Lẽ DUY NHẤT hiệp nhất tôn giáo thế giới, hiệp nhất các dân tộc hoàn cầu, mở ra Tam Kỳ Phổ Độ. Vì vậy, đứng trước cơ Đạo ấy, Đức VÔ CỰC TỬ TÔN đã trao bí quyết cho nhân sanh qua Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý như sau :

“Nếu các con cứ giữ vững tinh thần trong cương vị Chánh Pháp Đại Đạo, thì dầu kẻ Bắc Hải, người Nam San cũng có thể gặp nhau trong chỗ hợp đồng nhứt bốn” (Rằm tháng 4 Bính Ngọ – 3.6.1966)

Gọi đó là bí quyết nghĩa là phải tổng hợp thể nào đạt được cái NHẤT LÝ chuyển hóa lòng người từ tối tăm ra trong sáng, biến đổi thể gian từ đau khổ thành an lạc như Đức Chí Tôn nhắc nhở vào ngày 30 tháng 9 năm Canh Tuất ( 29.10.1970) rằng :

“ Giáo lý hay Chơn lý Đại Đạo được hoằng dương sâu rộng vào lòng người sẽ biến đổi hoàn cảnh ngăn cách khổ đau của thể gian trở nên thái bình thanh trị, hay Niết Bàn Cực lạc”.

Vậy trước hết, muốn lấy cương vị Chánh Pháp Đại Đạo thì tôn giáo phải lột xác, nghĩa là phải có tinh thần phá chấp “nhảy vượt”, luôn luôn tự khai phóng mới trở thành động năng phóng khai ánh sáng chơn lý cho nhơn tâm như lời thúc giục của Thiêng Liêng qua Thánh huấn này :

“Biết rằng con gà con khi chưa nở thành con gà, nó nhờ cái vỏ bên ngoài bảo bọc trường dưỡng cho nó đúng ngày tháng qui định để đủ điều kiện nở ra con gà. Nếu gà ấy vì chấp ngã, chung thủy với vỏ trứng, nằm trong ấy mãi mãi, hỏi bao giờ thành con gà để trời giọng gáy sáng ?” (Ngày 1.5.Kỷ Dậu, 15.6.1969)

Cho nên sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ nói chung và nhân tố của đại đạo ấy là một Giáo lý Thuần nhất cho Đại Đạo nói riêng phải được thực hiện trên tinh thần tổng hợp có năng lực phát huy các giá trị tâm linh ngày càng rực rỡ, nghĩa là nhất quán Đông Tây Kim Cổ mà khai phóng tiến hóa không ngừng. Phương châm thực hiện sứ mạng phải là :

“Đừng xây ngôi nhà mới trên nền cũ, hãy gây dựng một nền tảng mới trước khi xây nhà đúc cột. Trách nhiệm mới, sứ mạng mới, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải tương đồng phối hợp mới”

( Đức Lê Đại Tiên, 14.2 Kỷ Dậu, 31.3.1969)

Và “ Chẳng những trách nhiệm trong Cơ Quan mà tất cả các lãnh đạo giáo đồ ở các nơi đều phải có một tinh thần tổng hợp Phổ thông Giáo Lý Đại Đạo như Cơ Quan....”

(Đức Thượng Trung Nhật và Đức Ngọc Lịch Nguyệt, rằm tháng 2 năm Đinh Mùi, 24.3.1967)

Vậy trong giai đoạn thứ nhất của Hội Đồng nghiên Cứu Giáo Lý Đại Đạo, có thể Hội Đồng chưa đúc kết được một Giáo Lý Thuần nhất viên mãn, nhưng nếu mọi người đều giữ tâm chuyên nhất đối với lý tưởng chung thì Hội Đồng sẽ hoàn thành sứ mạng trong các giai đoạn tương lai, trong niềm tin tưởng rằng :

“\*” Dầu cõi vô hình, dầu miền hữu thể, mỗi người hướng về Lễ DUY NHẤT của LÝ ĐẠO rồi sẽ gặp nhau tất cả, mặc dù trải qua mấy lúc chia ly, bao hồi vĩnh biệt.

“ Lễ DUY NHẤT của Đạo, đó là biến cả, mà các phương tiện hành Đạo, các hình thức tôn giáo, các quan niệm tín ngưỡng, chỉ là những suối rạch ngọn nguồn, sông lạch mà thôi”

(Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, 2.11. Kỷ Dậu, 10.12.1969)

Và để kết thúc phần “Hướ g về giáo lý Thuần Nhất cho Đại Đạo xin ghi tạc những lời này của Đức Di Lạc Thiên Tôn.

“Hỡi môn đồ ! Chơn tông vạn giáo;  
 Đều ở trong cái Đạo Hư Vô;  
 Có câu “Nhất bốn vạn thù”  
 Một ra muôn trạng, diễn phô pháp quyền.  
 Nhìn sắc phái thiên nhiên cảnh vật,  
 Trước bao la chồng chất nước non;  
 Dầu trong Tạo hóa sống còn,  
 Cỏ cây nhơn vật vuông tròn Càn Khôn.  
 Người biết đặng, Thế Tôn nào khó,  
 Đạt Đạo rồi mới có Thiên tôn;  
 Tu hành luyện Đạo bảo tồn,  
 Ba đường hiệp một, Thiên môn phản hồi.  
 Mở Đạo tràng Cơ Trời vận chuyển,  
 Độ nhơn sanh toàn diện giác mê,

Xa nơi tục lụy mọi bề,  
Cùng chung xây đắp đường về quê xưa”  
(Trích TGST năm 1970-71, tr.97)

## CHƯƠNG THỨ HAI

### PHẠM TRÙ VŨ TRỤ NHẤT THỂ PHÓNG PHÁT, TẠO HÓA, BAO DUNG VÀ THẨM NHẬP VẠN HỮU :

1. Trước hết nói đến một vũ trụ đồng nhất thể, chúng ta hãy vận dụng giáo lý Bà La Môn, là giáo lý sở trường về bản thể vũ trụ đã diễn tả, ca ngợi bản thể ấy bằng thi ca bằng huyền thoại, bằng dụ ngôn rất phong phú. Chung quanh một linh tự “BRAHMAN”.

Người Bà La môn hay người nhập tâm giáo lý Bà La môn có một linh cảm rất đặc biệt với danh từ “BRAHMAN” bởi vì nó hàm chứa muôn vàn hình ảnh huy hoàng, những quyền năng siêu việt và những bản tính tuyệt vời, và đặc biệt là NÓ được cảm thấy thẩm nhập nội tại nơi hành giả.

Kinh Châmđogya Upanishad (III,14,1) nói :

“ Toàn thể vũ trụ là “Brahman”. Thật là một xác tín dứt khoát, gọn gàng, nhưng phải được diễn tả thêm rằng Brahman là :

|            |                         |
|------------|-------------------------|
|            | ( - Tuyệt đối           |
| BẢN NGUYÊN | (- Sáng tại             |
|            | ( Nội tại trong vạn hữu |

Và là

|          |                    |
|----------|--------------------|
|          | (- Thực hữu (Sat)  |
| BẢN CHẤT | (- Ý thức (Chit)   |
|          | (- An lạc (Ananda) |

Braman là Bản nguyên tuyệt đối :

Trong Taittiriya Upanishad, Đạo sĩ Varuna nói : “ Cái do đấy mọi vật sinh ra, cái nhờ đó mọi vật sống được và cái ở đó mọi vật trở về sau khi chết. Con hãy tự tìm hiểu lấy, cái đó là Brahman. Như thế Brahman là thực thể bất diệt, hằng hữu, không nương

dựa vào bất cứ cái gì mà tất cả đều nương tựa vào Brahman và Brahman là khởi nguyên cũng là cùng đích của vạn vật, nghĩa là Tuyệt đối.

Đó là bản tính Tuyệt đối tương quan với những vật tương đối được sinh ra, nhưng nhìn trở về tận khởi nguyên của vũ trụ, như kinh Rg – Veda (X-129) <sup>21</sup> diễn tả, ta sẽ thấy Tuyệt đối thể ấy là Vô là Tịch Tĩnh.

“ Thuở ấy không có Hữu thể mà cũng không có Phi thể, chẳng có không gian chứa đầy khí trời mà cũng chẳng có tầng trời nào ở bên kia khoảng không ấy. Cái gì bao trùm hết thảy ? Ở đâu ? Do ai bảo hộ ? Phải chăng là trùng dương thăm thẳm khôn dò ?”

“Thuở ấy không có chết mà cũng không có bất tử, không có phân biệt ngày đêm.<sup>22</sup> Đấng Một ấy hô hấp bằng nội lực, không tạo nên hơi thở. Tuyệt nhiên không có cái gì hiện hữu ở ngoài Ay và khác với Ay.<sup>23</sup>

Đó là Tuyệt đối thể khi chực bắt đầu cuộc sáng tạo. Cho đến lúc “ Đấng Một phát sinh giữa hư không “ do sức mạnh của tapas “ <sup>24</sup> thì Đấng Một ấy là Brahma phóng phát thần lực làm nảy sinh vạn vật từ lòng Bản Thể của mình, nên Mundaka Up. I, 1.7 viết :

Vạn hữu này đã từ Đất Tử xuất sinh,  
Như tơ nhện thả thu từ lòng NHỆN.  
Như cây cối đã từ ĐẤT ĐAI xuất hiện  
Như tóc, lông từ THÂN XÁC trở ra,  
Như Tia Lửa phát từ ĐÁM LỬA sáng lòe  
Ngàn muôn Tia vẫn LỬA HỒNG không chi khác  
Vạn hữu tuy ngàn muôn sai khác,  
Đều từ lòng ĐẤT TỬ xuất sinh  
Rồi lại về đó, khi hết giai trình tiến hóa <sup>25</sup>

Vạn hữu xuất sinh từ Bản Nguyên Bất Tử, thể hiện thành thiên hình vạn trạng nhưng cuối cùng sự thành toàn của chúng lại chính là Bản nguyên sinh xuất. Vậy đang lúc thể hiện, đang lúc hiện sinh, biến hóa, di dịch không có một sát na nào mà vạn hữu tách rời Bản thể và ở mỗi sát na Bản thể đều thấm nhập trong mỗi vật loại để cho mọi vật đều chỉ có chung một cứu cánh duy nhất là :

<sup>21</sup> Nhập môn Phật Học An Độ, Lê Xuân Khoa phần phụ lục

<sup>22</sup> Bơ. Aô. Up.I,4,7 “Thuở ấy vũ trụ này không phân biệt (Avyâkritam)

<sup>23</sup> Aitareya Up.I,1,1 : “ Ngoài Tự Ngã ra không còn ẩn hiện cái gì khác”

<sup>24</sup> Tapas có nghĩa là sức sống, Tapas là phương cách phát triển sức mạnh tinh thần. Mundaka Up : “ Đấng toàn trí, toàn thức. Đấng mà tapas chính là tư tưởng, tự nơi Ngài sinh ra Brahma....” (I,1.9) Theo Lê Xuân Khoa

<sup>25</sup> Học giả Nguyễn Văn Thọ dịch

## TỰ - NGÃ - TUYỆT ĐỐI

Ở đây chúng ta sẽ thấy Tattiriya Up II. 2 nhấn mạnh sự thể nhập của Bản Thể vào nội tại vạn hữu như sau :

“ Chúng sinh tạo thành bởi một bản tính của Thực phẩm, chúng lấy sự sống của chúng ở Thực phẩm và sau hết chúng hóa nhập vào Thực phẩm”

Nhưng chúng ta phải nhớ rằng tính chất phiếm thần bàng bạc của Bản Thể Tuyệt Đối trong vũ trụ hiện tượng không hề làm phân hp1a Brahma mà Brahma bao giờ cũng sung mãn cũng là Vô cực siêu nhiên bất biến, sáng tạo và chủ tể. Atharva Veda (X,8,29) có viết :

“ Cái ấy đầy, cái này cũng đầy. Nếu ở trong cái đầy người ta rút ra cái đầy, cái còn lại cũng đầy”.

“ Bởi vì Brahma bao hàm tất cả hiện hữu cụ thể lẫn cái gì siêu nhiên, cái Khả tư nghị lẫn cái bất Khả tư nghị, hữu danh lẫn vô danh, ý thức lẫn vô thức, cái có và cái không....cả hai (thế giới vũ trụ và bản thể) đều vô hạn, vô biên, vô cực. Vô cực hiện thực là thế giới này không làm thương tổn gì đến cái Vô cực siêu nhiên mà nó là hiện tượng”<sup>26</sup>

Trên đây là những phân tích của Brahma, Đại bản thể hàm tàng vũ trụ phóng phát hóa sanh và thể nhập trong mọi vật loại, đặt vũ trụ vào một nguyên lý tuyệt đối là “Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể” khiến cho sinh vật tối linh là Con Người có một triển vọng tối thắng là thực hiện được TỰ NGÃ Thực hữu. Ý thức và An lạc ở cuối con đường thành toàn cái “Nhất Thể” của mình. (Atman). Cho nên, nếu diễn tả Brahman ở vào lúc khởi sinh của mình thì con người nói Brahman là Vô Cực Tuyệt Đối, Sáng Tạo và Nội Tại. Và vào lúc thành toàn Tự Ngã thì con người nói Brahman là Atman. Chân hữu (Sat) Chân tri (Sit) Chân lạc (Ananda). Chân hữu vì không phải là trống rỗng, Chân tri vì là nguồn gốc của mọi sự hiểu biết; Chân lạc vì không còn nguyên nhân của đau khổ.

2. Chính vì nhắm ngay vào cứu cánh thành toàn Tự Ngã đó, Phật giác muốn lập tức đặt con người vào Dương Xứ Hoa nghiêm bằng A Lại Da thức thanh tịnh nên đang thế giới, trở nên nhất thể với Chân như của vũ trụ, của vạn pháp thế gian.

Dương Xứ Hoa nghiêm là cảnh giới này tại đây và ngay không phải là thế giới xa cách khỏi nguyên hay nữa vời xuôi về bến đố, mà bến đố và khởi nguyên đã hằn nằm

---

<sup>26</sup> Nguyễn Đăng Thục. Lịch sử Triết học Đông Phương t.III, tr.116

trong Dương Xứ<sup>27</sup>. Dương Xứ chẳng những là cảnh giới “như thị” dung thông thời gian và không gian mà còn là Pháp giới tương tức tương nhập của vạn pháp.<sup>28</sup>

Cho nên giáo lý Phật Giáo chỉ thẳng vào Chân Ngã, chủ động thực hiện Tự Ngã viên dung thế giới mà không giới thiệu khách thể siêu việt sáng tạo vũ trụ. Nhưng đã đề xướng Dương Xứ Hoa nghiêm hay Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới mà cũng y cứ trên nguyên lý “Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể” đó đòi hỏi một pháp thân<sup>29</sup> tương ứng với “nhất thể” ấy là một Chân Tâm nhất trí với toàn thể thiên địa vạn vật.

Trước hết Phật giáo nhận thức về Chân như Bản thể và Vạn pháp hiện tượng.

---

<sup>27</sup> Dương Xứ : Tại nơi đây và bây giờ đây (Here – new, iciel maintenant : Hine – nune) Dương chỉ về thời gian: bây giờ, Xứ chỉ về không gian. Tại đây. Đây là điểm tuyệt đối dung thông cả thời gian và không gian , thường gọi là phút giây vĩnh cửu, hoặc chân cửu, và Thiên gọi là sát na tam muội. Khi Thiên nói : “nhất niệm, vạn niệm, vạn niệm, nhất niệm” là chỉ vào cảnh giới tâm chứng ấy. Trúc Thiên dịch giả “ CỐT TỦY ĐẠO PHẬT của Suzuki t.91

<sup>28</sup>Tức là “ Sự sự vô ngại Pháp giới “ theo Kinh Hoa Nghiêm

<sup>29</sup>Pháp thân : Dharmakaya – Kaya, “thân”, là một quan niệm hệ tạng trong giáo lý Phật Giáo chỉ vào thực tại của muôn vật hoặc pháp, Dharma. Dhama Kaya, người Tàu dịch là Pháp thân, “cái thân của Pháp “, theo đó thì Dharma có nghĩa là phép tắc, tổ chức, cơ cấu, hoặc nguyên lý điều hành, Nhưng chữ Dharma còn nhiều nghĩa sâu xa hơn, nhất là khi ghét với kaya thành Dharma kaya (pháp thân) nó còn gọi lên một cá thể, một tánh cách người. Chân lý tối cao của Đạo Phật không phải chỉ là một khái niệm suông, trừu tượng vậy, trái lại nó sống động với tất cả ý nghĩa, thông suốt và minh mẫn, và nhất là với tình thương thuần túy, gột sạch tất cả ngăn bợn nhơ, vết tật bệnh. (Dẫn theo Trúc Thiên dịch giả “ CỐT TỦY ĐẠO PHẬT “ tr.69)

-Pháp thân theo Phật Học Tự Điển của Đoàn Trung Còn :

- Dharma khát (ser) – Hosshin butsu (Jap) Corpe d’essence (fr) : Thân Đạo lý : Cái chơn thân, cái đạo thể, cái thể của Pháp tánh. Pháp thân của Phật có bốn đức : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh (Tứ Đức Ba La mật) Nó không mắc vào tứ khổ : sanh lão bệnh tử . Nó không lớn, không nhỏ, không trắng không đen, không có đạo, không vô đạo, nó tự nhiên trường tồn, không thay đổi, dầu Phật có ra đời hay không thì nó vẫn vậy mãi.

Còn cái thân mà Phật mang lấy xuống thế, chịu lấy sự sướng với sự khổ, tức là cái dư nghiệp, tức là cái báo thân, cái sanh thân . Và cái thân mà Phật dùng phép thần thông biến hóa ra dạng độ chúng sanh, thì kêu lành hóa thân hay thần thông biến hóa thân....

Chân như là Bản thể Tuyệt đối hư vô tịch diệt mà làm bản thể cho hết thảy vạn tượng hàm tàng thế giới : bao dung vạn pháp mà bất cầu bất nhiễm bất tăng bất giảm. Nên người xưa có thơ rằng :

Hữu vô tiên thiên địa  
Vô hình bản tịch liêu  
Năng vi vạn vật chủ  
Bất trách tứ thời điều<sup>30</sup>

Tạm dịch :

Ay chi có trước đất trời,  
Vô hình vô tượng tuyệt vời tịch liêu.  
Chủ trương vạn tượng vạn điều,  
Quang Hoa điên đảo, chẳng siêu chẳng vời.  
(BS. Nguyễn Văn Thọ)

Hay có thể tóm tắt bằng một câu :

“ Chân như giả, chỉ vũ trụ chi bản thể, nãi bất sinh bất diệt bất tăng bất giảm, vô thủy vô chung giả dã”<sup>31</sup>

Còn vạn pháp hiện tượng thì :

“ vạn pháp giả, nãi vũ trụ chi hiện tượng, hữu sinh diệt, hữu tăng giảm, hữu thủy chung”<sup>32</sup>

Đó tức là qui luật “chi hành vô thường, chư pháp vô ngã” đối với hiện tượng. Vô thường vì sinh hoạt của nó không có tác dụng trường cửu trong thời gian và vô ngã vì bản thân nó không có giá trị phổ biến trong không gian.

Nói như thế thật ra không có chủ đích phân biệt hai thế giới : thế giới chân như và thế giới hiện tượng để chối bỏ thế gian, yếm thế, tìm cầu một Niết Bàn cô lập. Làm như thế tức không còn đứng trong bản thể. Chân như của vũ trụ cũng chính là chân như của Phật. Cho nên Phật tâm chứng thế giới bằng Như Lai tạng<sup>33</sup>

<sup>30</sup> Qui nguyên Trực Chỉ ( Đỗ Thiệu Lăng dịch) trung quyển tr.369-370

<sup>31</sup> Léon Nieger. Histoire des Croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine, page. 548

<sup>32</sup> Ibao, page 548 (dẫn theo Học giả Nguyễn Văn Thọ)

<sup>33</sup> Như Lai Tạng :...Kêu là Như Lai tạng, nghĩa là : cái hết thảy các pháp vậy (một nghĩa trong phẩm Như Lai tạng của “Pháp tánh luận” (Phật Học Tự Điển Đoàn trung Còn)

\* Tạng Như Lai ấy tức là thể giới tâm linh thanh tịnh, vô phân biệt, vô nhiễm, còn thể giới nhiễm dơ, vẫn đục là của tư tưởng và phân hóa. Con người còn dấn vào tư tưởng thì hai thể giới ấy còn tách biệt mãi, không thể dung thông nhau. Nhưng kinh điển lại dạy rằng cái đục và cái trong đều hòa tan trong Như Lai Tạng, mà Tạng ấy bốn lai vẫn không hoen ố. Đó là điều vượt hẳn ngoài giới hạn của tư tưởng. Nhưng nầy ta thông được lẽ đồng nhất giữa những sai biệt và vô sai biệt thì đồng thời cũng thấu suốt rằng dơ sạch gì cũng vẫn do một Tạng ấy tùy ứng phô bày ra, theo những hình tượng thích đáng.<sup>34</sup>

“Do một tạng ấy tùy ứng phô bày ra” là ý nói đến nguyên thân duyên khởi mà chư pháp biểu hiện. Cho nên chư pháp chịu luật nhân quả mà biến sinh, lệ thuộc các duyên mà thành trụ hoại không. Nhưng “nhất thiết chư pháp bất ly tự tánh” (Kinh Kim Cương), nên động thì có muôn hình muôn vẻ, tĩnh thì dung thông trong một pháp giới thành ra, vạn pháp đều bình đẳng như như. Trong khi đó chân tâm ở giữa vạn pháp mà không chịu tác động nhân quả của vạn pháp, ngược lại chiếu viển qui luật biến sinh của nó, ứng thuận nó mà vẫn độc lập nhi hành. Đó là tâm vậ bình hành, nhất như vô ngại.

Tức là :

Tông vô hiện hữu, hữu vô thông  
Hữu hữu vô vô tất cảnh đồng  
Phiền não bồ đề nguyên bất nhị  
Chân như vọng niệm tổng giai Không.<sup>35</sup>

Tạm dịch :

Từ không ra có, có không thông,  
Có có không không mọi cảnh đồng;

---

Theo PHẬT GIÁO TÂM LÝ HỌC, MINH LÝ ĐẠO, TAM TÔNG MIẾU soạn giả Nguyễn Minh Thiện, 1960, tr.238 : Chơn như là một cái thể tuyệt đối, chẳng có sai biệt, không hòa hiệp được cái sai biệt. Cho nên mới lập cái tên riêng “Như Lai tạng” Như Lai tạng vẫn là cái tâm thanh tịnh, bất sinh bất diệt. Nhưng nó có thể hòa hiệp với sanh diệt mà thành ra A Lại da Thức.

...Đối với tánh không sanh diệt, thì gọi là Chơn Như. Đối với tánh có sanh diệt thì nói : Chơn như đối ra Như Lai Tạng. Cho nên Như Lai Tạng cũng gồm đủ các tịnh công đức như cát sông Hằng. Nhân muốn chỉ sự quan hệ giữa Chơn Như và muôn pháp, nên lập tên khác là Như Lai Tạng (Tâm Lý Học theo Như Lai tạng Tông, Tiết thứ hai)

Cốt tủy Đạo Phật (The Essence of Buddhism) Suzuki Trúc Thiên dịch, 1968 tr.35

<sup>34</sup> Cốt tủy Đạo Phật (The Essence of Buddhism) Suzuki Trúc Thiên dịch, 1968, tr.35

<sup>35</sup> Trần triều đặt tên Phật điển lục, Thượng Sĩ Ngữ Lục tr.28 (Khảo cổ viện tồn bản) Bài dịch trích tài liệu Tinh Hoa Phật Giáo của BS. Nguyễn Văn Thọ.

Phiền não Bồ Đề nguyên vẫn một,  
Chân như, vọng niệm thấy đều không.

Tóm lại hết thấy thế giới đều đồng một thể Chân như; một tâm Vô Sai biệt, cũng là Chân như dung nạp nhiếp thu chư pháp làm Như Lai Tạng và pháp pháp đều Nhất như tiếp ứng nhau làm Dương Xứ Hoa nghiêm. Từ bản thể đến hiện tượng, từ tĩnh đến động, từ vô đến hữu và giữa trong vạn hữu, trong đó cái lẽ sinh diệt chuyển luân trùng trùng vô tận chẳng bao giờ làm hệ lụy được Chân Ngã độc tôn tự do tự tại.

3. Phật giáo đã nương vào Chân Như Bản Tánh mà thâm nhập được pháp giới vũ trụ. Đó là thể nghiệm nguyên lý “Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể” mà thành toàn Chân Ngã. Lão giáo quán chiếu đầu đuôi của vạn vật, dò xét cơ nguyên sinh xuất, biến hóa, phục qui của vạn vật để chứng đắc một “Đạo Thể” duy nhất lúc tiềm tàng, khi hiển dương thúc đẩy và điều lý vạn vật theo lẽ Tự Nhiên.

Đối với Lão Tử, vũ trụ là một phạm trù có 3 yếu tố tương quan :

Thiên Địa vạn vật  
Hữu  
Vô

Tức là : Thiên địa vạn vật sinh ư Hữu. Hữu sinh ư vô (Đạo Đức Kinh, Chương 40)

(Vạn vật Đất Trời sinh từ chỗ Có, Có sinh xuất ở nơi Không)

Như vậy căn cốt của vũ trụ, chỉ có Vô với Hữu mà thôi. Mà Hữu chính là động năng tuyệt đối sinh hóa vạn vật, phát sinh từ Vô là bản thể tuyệt đối của vũ trụ. Cho nên Đạo Đức Kinh Chương I phân tích :

Vô danh thiên địa chi thủy,  
Hữu danh vạn vật chi mẫu<sup>36</sup>

Nếu đem tâm hồn thanh tịnh để trực quan vũ trụ thì sẽ cảm nhận được chỗ ảo diệu vô cùng của Tiên Thiên <sup>37</sup> ẩn áo (Diệu). Còn đem tinh thần trực vật khảo thí thì thấy sự tạo tác chia phối hình tướng Hậu Thiên : (Kiếu)<sup>38</sup>

Cổ thường vô dục dĩ qquan kỳ diệu

---

<sup>36</sup> Không tên là gốc của Trời Đất  
Có tên, là Mẹ của Vạn Vật

<sup>37</sup> Tiên Thiên là thuộc về Vô Cực

Hậu thiên là thuộc về vạn hữu sinh hóa sau khi có Thái Cực

<sup>38</sup> - Nt -

Thường hữu dục dĩ quan kỳ Kiếu<sup>39</sup>

Nhưng phải biết rằng cả hai phần Diệu và “Kiếu đều có cùng một nguồn gốc Huyền nhiệm. Nguồn gốc huyền nhiệm ấy là cửa phát sinh hết thảy mọi lẽ huyền vi hiển dương hay ẩn áo.

Thử lưỡng giả đồng xuất, nhi dị danh  
 Đồng vị chi huyền  
 Huyền chi hữu huyền  
 Chúng diệu chi môn<sup>40</sup>

Nguồn gốc huyền nhiệm đó Lão giáo gọi là ĐẠO.

Phương diện hiển dương của Đạo gọi là ĐỨC.

Nên có câu “Đạo tán vi Đức” và Đức vi Đạo chi kỳ dã “<sup>41</sup>

Lão giáo như thế trước sau đều trực nhận một bản thể thuần nhất của vũ trụ bao gồm vô vi lẫn hữu hình. Cái nhìn bao dung đó không phải là một tổng hợp hai thực tại Tách biệt mà thấy một chuỗi biến sinh bền bỉ thủy chung như nhất. Có thể vạn vật mới tiến hóa được đến cùng đích Tuyệt đối, mà tuyệt đối thì chỉ có Một. Nghĩa là từ ĐẠO sinh ĐỨC, từ ĐỨC thành Đạo, một chu trình viên mãn. Bởi vậy, để diễn tả đầu đuôi trời đất, vạn vật biến sinh, thành toàn trong Bản thể, Đạo Đức Kinh viết :

Đạo sinh nhất  
 Nhất sinh nhị  
 Nhị sinh tam  
 Tam sinh vạn vật (Ch.42)

Lại viết :

Vạn vật tịnh tác

---

<sup>39</sup> Thường không tư dục, mới nhận được chỗ huyền diệu của Đạo Thường bị tư dục, nên chỉ thấy chỗ chia lìa của Đạo  
 (Bản Nguyễn Duy Cần)

<sup>40</sup> -Nt -

<sup>41</sup> Đạo tán vi Đức : Les produits divers du Principe se les manifestations de sa vertu.

Đức vi Đạo chi kỳ dã : La fin de ses manifestations de la vertu du Principe, peut s'appeler le dévidage du Principe.

Les Pères du Système tansie, Léon Wieger, p.29 2 và 3 Xem Xung Hư Chân Kinh, Ch.I đ Dẫn theo BS. Nguyễn Văn Thọ)

Ngô dĩ quan phục  
 Phù vật vân vân  
 Các qui kỳ căn (Ch.15)

Và Phản giả Đạo chi Động (Ch.40)

Ta thấy rõ ràng một chu trình toàn vẹn.

Đạo sinh Một  
 Một sanh hai  
 Hai sanh ba  
 Ba sinh vạn vật  
 Vạn vật đã sinh ra  
 Ta thấy lại trở về  
 Ôi, vạn vật trùng tòng  
 Đều trở về cái gốc của nó  
 Vì trở về là cái động của Đạo.

Chu trình đó cũng được sách Xương Đạo Chân Ngôn (9.3. tr.19) tóm như sau :

Hư sinh nhất  
 Nhất sinh vạn  
 Vạn hoàn nhất  
 Nhất hoàn Hư

4. Nho giáo chẳng những nhất trí với vũ trụ quan nói trên của Lão giáo mà sẽ còn chứng minh, diễn dịch thành một hệ thống có biện chứng chặt chẽ bằng Dịch, là chiếc chìa khóa mở cửa vũ trụ.<sup>42</sup>

Không khác gì Xương Đạo Chơn Ngôn, Nho gia Trương Hoàng Cừ (1020 – 1077) viết :

- Chí thiện dã, Hư dã.... Hư giả thiên địa chi tế. Thiên địa tòng hư chung lai”

( Hư là chí thiện....Hư là thủy tổ muôn loài. Trời đất đều từ Hư phát xuất....)

Ong Thiệu Khang Tiết cũng là một vị Tống Nho cũng viết :

---

<sup>42</sup> Tống nguyên học án q.18 tr.8 (Hoành Cừ Học An)

“Thiên địa vạn vật mạc bất dĩ vi nhất bản nguyên, ư nhất nhi diễn chi dĩ vi vạn. Cùng thiên hạ chi số nhi phục qui ư nhất. Nhất giả hà dã ? Thiên địa chi tâm dã. Tạo hóa chi nguyên”<sup>43</sup>

(Trời đất vạn vật vốn có cùng một nguồn gốc. Từ Một mà bày ra vạn , rồi ra vạn lại trở về Một, mà Một là tâm vũ trụ, là gốc của Tạo Hóa.)

Như tiến về bản thể và qui trình tiến hóa của vũ trụ Nho giáo đã xác tín như các đạo giáo Đông Phương khác. Nhưng sở trường của Nho giáo là DỊCH, khai thác nguyên lý Thái Cực với Thái Cực, Nho giáo tập trung giáo lý vào cơ vi của Hữu, vào sức phát động triển dương của Nhất, mặc nhiên công nhận Vô Vi là Bản thể. Cho nên phạm trù

|       |    |     |      |           |     |
|-------|----|-----|------|-----------|-----|
| Vô    | -  | Hữu | -    | Thiên Địa |     |
| Hay : | Hư | -   | Nhất | -         | Vạn |

Đối với Nho gia sẽ là :

Vô Cực - Thái Cực – Quái (xem hình)

Nhờ có nguyên lý Thái Cực chúng ta sẽ thấy Hư vô, Vô Cực không phải là một “đồng nhất thể” nhưng động triết tiêu, nhưng có những đặc điểm sau đây :

Có khả năng sinh hóa (phóng phát)

Có tác năng thông nhất (Thông thể)

Vận động tiềm tàng trong mọi vật loại.

Làm cho mọi vật loại tiến hóa theo một chu trình để trở về Bản nguyên.

Chính Ong Chu Liêm Khê (1017 – 1073) đã xác tín quan niệm đó bằng một câu hết sức quan trọng trong khi mở đầu “ Thái Cực đồ thuyết”

Vô cực nhi Thái Cực

“Vô Cực nhi Thái Cực” có nghĩa là vừa làm bản thể vừa Sinh hóa.

“Vô Cực nhi Thái Cực” cũng có nghĩa là các thực tại tiên thiên và hậu thiên đồng nhất thể với nhau.

Về khả năng sinh hóa :

Dịch Hệ Từ Thượng (Ch.11) viết :

Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi  
Sinh sinh chi vị Dịch

---

<sup>43</sup> Tống Nguyên học An q.10 tr.50

Thiên Địa chi đại, đức viết sinh

Thái Cực đồ thuyết cũng viết :

Thái Cực động nhi sinh dương .....

b. Về tác năng thống nhất :

Thái Cực, như thế, vừa là Bản Thể mà là một thống thể của vũ trụ. Gọi là một thống thể vì Thái Cực bao quát âm dương, tức là bao quát mọi mâu thuẫn, Chu Liêm Khê viết :

Vạn vật nhất Thái Cực dã. Cái hợp nhi ngô chi, vạn vật thống thể nhất Thái Cực <sup>44</sup>

(Vạn vật là một Thái Cực, vạn vật hợp nhất lại thành một Thái Cực)

Nhờ năng lực thống nhất âm dương hay điều hợp âm dương Thái Cực làm cho vạn vật sinh hóa vô cùng. Đó là :

Nhất âm nhất dương chi vị Đạo (Dịch, Hệ Từ Thượng)

Hay là :

Nhị khí giao cảm hóa sinh vạn vật. Vạn vật sinh sinh nhi biến hóa vô cùng yên.  
( Thái Cực Đồ thuyết)

c. Thái Cực nội tại trong mọi vật loại :

Chính vì những đặc tính trên, Chu Hy (1130-1200) viết :

Nhân nhân hữu nhất Thái Cực, vật vật hữu nhất Thái Cực<sup>45</sup>

(Người người đều có một Thái Cực, Vật vật đều có một Thái Cực)

Tóm lại, Thái Cực vừa bao dung vừa tiềm tại trong vạn vật. Chu Hy đã diễn tả ý niệm đó rất sâu sắc :

“ Tuy chỉ có một Thái Cực nhưng muôn loài đều nắm thụ, chẳng những thế còn nắm thụ trọn vẹn cả Thái Cực, ví như mặt trăng trên trời, tuy chỉ có một nhưng tán ra

---

<sup>44</sup> Tà vô lượng, Trung Quốc triết học sử, Thiên III thượng tr.7

<sup>45</sup> Tà Vô Lượng sách đã dẫn tr.59

khấp sông hồ, thời đâu cũng thấy có trăng, tuy nhiên không nói được là trăng đã chia phôi san xẻ”<sup>46</sup>

Thái Cực chữ sử chu trình tiến hóa của vạn vật trở về Bản Nguyên.

Ong Thiệu Khang Tiết đã nói vũ trụ là một chu trình từ nhất biến thành vạn rồi từ vạn qui về nhất, lại nói : “ vạn vật tòng trung nhi khởi tòng Trung nhi chung”. Đó là diễn tả cuộc vận động chuyển luân của Thái Cực trong vũ trụ theo qui luật : “Vạn vật tuần hoàn, chung nhi phục thủy “ mà Kinh Dịch gọi là :

Nguyên thủy yếu chung (hệ Từ Hạ, Ch.IX)

Nguyên thủy phản chung (Hệ Từ Thượng, Ch IV)

Khiến cho vạn vật tiến hóa có đường lối có chiều hướng rõ rệt, một chiều hướng tán phân ra vạn thù hay chiều âm, một chiều qui tụ về nhất bốn hay chiều dương.

Về một vòng Dịch với tiến trình cấu tạo “Thập nhị quái khí” chúng ta sẽ thấy rõ chu trình “ Đại tuần hoàn “ của vũ trụ tức là đầu đuôi của trời đất như vật. Trời đất như vật từ Bản nguyên tuyệt đối sinh ra để rồi tiến hóa thành thực tại Chí thiện, chí mỹ, hiệp nhất hoàn toàn với bản nguyên ấy, tức là lại trở về Thái Cực và Vô Cực.

Ngũ hành nhất Âm Dương đã

Âm dương nhất Thái Cực đã

Thái Cực bản Vô Cực (Thái Cực Đồ Thuyết)

5. Đối với Ky Tô Giáo, sự giáng trần của Chúa Ky Tô chính là một sức mạnh thúc đẩy con người tiến hóa theo cuộc Đại Tuần hoàn ấy. Cho nên, nếu đã chọn lý tưởng Ky Tô “thì phải trực nhận được như Thánh Anthonasse rằng :

“ Chúa xuống làm người để tôi có thể làm Chúa “ (Mysticism p.502)

Nghĩa là giữa Chúa và người phải có một cái gì làm gạch nối, làm cơ bản chung. Đó là “Bản thể thần linh” mà các nhà huyền học Ky Tô Eokhart gọi là “Thần Quang” Tauler gọi là “Căn cơ”. Giáo phái Ouakera gọi là “Quang minh nội tại” và các nhà huyền học hiện đại gọi là “nguyên lý “nguồn mạch của mọi sự sống thực.”<sup>47</sup>

<sup>46</sup> .... Bản chỉ thị nhất Thái Cực, nhi vạn vật các hữu bẩm thụ, hựu tự các toàn cụ nhất Thái Cực đã nhĩ. Như Nguyệt tại thiên, chí nhất nhi dĩ, cấp tán tại giang hồ tác tùy xứ nhi hiện bất khả vị nguyệt phân dã (Léon Viegor, Texten Philosophiques tem I.p. 180)

<sup>47</sup> This “divinse essence”, or subatance, which the introversire mystic finds dwelling, as Ruysbreck says, at the áp of man’s sản phẩmirit, is the “sản phẩmark of the soul” of Eckhart, the “groud” of Tauler, the “Innard Light” of the Ouakers

“ cái đó” khiến cho vạn vật từ khởi nguyên, trong cuộc sống, đến cứu cánh đều hòa quang không rời Đại thể tuyệt hảo. Sách Huyền nhiệm (Mysticism) gọi là Từ tuyệt hảo, xuyên qua Tuyệt hảo, đến Tuyệt hảo.<sup>48</sup> Nhờ thế, sự tiến hóa của vạn vật, nhất là của Con Người là định luật đương nhiên. Vạn vật như lòng suối nối tiếp nhau để đón nhận chứa chan, đưa đẩy các dòng nước tinh tuyền càng ngày càng sâu rộng cho đến khi nhập vào biển cả. Chúa nói “Cha là suối, các con là lòng suối”<sup>49</sup>

Do đó, Thánh Thomas d’Aquin đã nhất quán vũ trụ vạn vật như sau :

“Bởi vì tất cả các sự hoàn hảo của vạn vật từ Thượng Đế, Tuyệt đỉnh của hoàn hảo, tuần tự truyền xuống, nên con người phải bắt đầu từ những tạo vật thấp và đi lên từng cấp để tiến tới sự hiểu biết Thượng Đế.

“Và vì ở nơi Thượng Đế – nơi tuyệt đỉnh muôn loài ấy – ta thấy một sự đồng nhất hoàn toàn, và vạn hữu càng trở nên Đồng nhất thì càng trở nên mạnh mẽ hơn, chúng ta suy ra rằng vạn hữu càng rời xa Thượng Đế, căn nguyên của vạn loài, thì càng trở nên khác biệt nhau”<sup>50</sup>

Như vậy đối với các nhà Huyền học Ky Tô, trong vũ trụ chỉ có phân biệt “cái hoàn toàn” và “cái bất toàn” chứ không có Bản thể phân biệt.

Thánh Paul nói “Cái hoàn toàn” là cái “Diệu hữu” bao quát và tóm thâu vạn hữu vào trong mình và vào trong bản thể mình. Không có nó và ngoài nó ra thì không có thực thể nào khác, và vạn hữu đều dựa vào nó mà có bản thể. Cho nên đó chính là bản thể muôn loài, nó vẫn bất biến bất thiên, nhưng lại làm biến thiên mọi sự.

“ Còn nói bất toàn” là tất cả cái gì phát xuất hay bắt nguồn từ “cái hoàn toàn”

---

the “Divine Principle” of some modern transcendentals. – lists – the fount and source of all true life. (Mysticism p. 120)

<sup>48</sup> The Eternal circle from Goodness, through Goodness, to Goodness” (Mysticism, p.136)

<sup>49</sup> Thông điệp của Tình yêu tr. 333,10.4.67)

<sup>50</sup> St. Thomas Aquinas virtually accepts the doctrine of Emanations when he writes : “As all the perfections of Creatures descend in order from God, who is the height of perfection, man should begin from the lower creatures and ascend by degrees, and so advance to the knowledge of God... And because in that roof and crown of all things, God we find the most perfect unity, and every thing is more excellent the more thoroughly it is one; it follows that diversity and variety in creation in things, the farther they are removed from Him who is the first principle of all” (Mysticism, p.117)

“ như ánh sáng hay hiện tượng phát ra từ mặt trời hoặc từ ngọn nến, và hiện ra thể này thể nọ, cái đó được gọi là tạo vật, và tất cả cái gì phân thể như vậy dĩ nhiên là bất toàn.

“ Cái gì là phân thể thì có thì có thể hình dung tư nghị được, còn “ cái gì hoàn toàn viên mãn thì không thể nào hình dung tư nghị được. Chính vì vậy mà ta không đặt tên được cho cái hoàn toàn, vì nó vốn không tên.” <sup>51</sup>

Vậy nguyên lý căn cốt nào của giáo lý Ky-Tô giúp ta xác tín một cơ nguyên thống hợp được “ cái bất toàn “ với “cái hoàn toàn “ ngay từ trong hiện trạng đương sinh cho đến khi trở nên thống thể thuần nhất ? Thánh Terasa (Theresa) tìm thấy nguyên lý ấy nơi Thiên Chúa ba ngôi. Ngài minh thị rằng :

a. Chúa Cha chính là Tuyệt Đối Thể, nguồn mạch vạn hữu, bất khả tư nghị, đó là “Chân nhất” theo từ ngữ của môn phái Tân Bá Lạp Đế (First the Father, pure transcendent Being, creative source and origin of all, that is, the Uncenditioned and Unknownable One of the Neoplasenist. (Mysticism, p.130)

b. Ngôi hai chính là Thần Ngã, là Đạo, là sự phát huy là sự hiển dương của Thiên Ý. Đó chính là nhịp cầu bắt giữa Tuyệt Đối và tương đối.

---

<sup>51</sup> “ That which is perfect “ is a Being who was compre hended and inclued all things in Himself and His own substance and without whom and beside whom there is no true substance, and in whom all things have the in substance, and in whom all things have the in substance. For he is the substance of all things and is in Himself unchangeable and immovable and changes and moves all things else . But “that which is in part” or the imperfect, is that which has its sources in or spings from the perfect, just as a brighsness or a visible appeaence flows cut from the sun on a candle and appears to some hot this or that. And it is eqllled a creature, and of all these “things whies are impart’ none is the Perfect. So also the Perfect is none of the things whies are in part. The things whies au in part can be appre – hended known and expressed. But the Perfecteannd be apprehowded, known or expressed by any creature as creature. There for a we do not give a name to the Perfect, for it is none of these.

(Scedendly, in the Person of Christ, Teresa isolated and destingui shed the Leges or Creative Word, the expression, outbirth, or manifestation of Father is thought. Here is the point at whies the Divine Substance First be come apprehensible by the spirit of man, here that mediating principles “raised up between heaven and earth” which is at once the Mirror of Fure Being and the light up a finile world) (mysticism, p.131)

c. Ngôi Thánh Thần chính là Thần nội tại, là nguồn sinh tuyệt đối trong tâm khảm con người, nguồn mạch sinh ra sự viên giác nơi con người và chính là vòng khoen nối kết con người với bản thể hượng Đế (Thirdly, she recognized within herself the germ of that Assolute Life, the indwelling Spirit wiel is the source of man’s trans – cendental conscionsness and his link with the Being of God. That is to say, the Holy Spirit of Divine Love, the Real any knowledge of or communion with God on man’s part would be incon ceivable. Mysticism p.131)

Tóm lại, Ky Tô Giáo không nói Vô Cực, Thái Cực và Thái Cực trong tâm con người, nhưng với Thiên Chúa ba ngôi người Ky Tô Hữu đã đủ “nhận thức” :

- Như Thánh Thérèse d’Avila : “Tôi đã hiểu được Chúa trong mọi sự thế nào, và ở trong tâm hồn như thế nào: cái bọt bể (épenge) thấm đầy nước đã gợi ý niệm đó cho tôi” (I understed “ says st teresa “ how our Lord was in all things, and how He was in the soul : and the illus tration of a spenge filled with water was suggersed to me” (Mysticism p.120)

Như Thánh Augustin kể lại : “ Tôi nghe thấy tiếng từ thình không nói với tôi : Ta là thực phẩm cho những người đã khôn lớn. Con hãy lớn lên và hãy ăn Ta, không phải để cho con biến Ta thành thể chất con, mà chính là để con biến thành Ta”.

( I heard, says st Augustin, speaking of his pre – conveted period, They voice from on high crying unto me, “ I am the Food of the full grown : grow, and then theu shalt feed on Me. Nor shalt theu change Me ento thy substance as theu changest the food of thy flesh, but theu shalt be change into Me “ – Mysticism, p.502)

Như Thánh Kinh đã xác nhận :

“ Nước Trời ở trong anh em “ (lue.17,21)

“ Thần Chúa ở trong anh em” ( T Cor ?, 16)

6. Chính hai câu Thánh Kinh quan trọng nói trên là cái chủ đích mà Thông Thiên Học nhằm tới để truyền bá giáo lý Phiếm thần.

Bà Blavataky thử giải thích sự tương quan giữa con người và Tuyệt đối thể bằng cách trước tiên xác minh rằng người Thông Thiên Học phủ nhận quan niệm Thượng Đế hữu ngã, hay nhân cách hóa, siêu vũ trụ, mà còn phải hơn thế nữa.

...Bà cho rằng có một nguyên lý huyền nhiệm, vĩnh cửu, nguồn gốc căn cơ của vạn vật ư đó phát sinh và hòa hợp về đó ở tận chu trình tiến hóa của Thực tại (Etre). Bà nói Bản thể của chúng ta phổ biến thấm nhập trong từng nguyên tử hữu hình lẫn vô hình của vũ trụ vì nó là năng lực huyền diệu tiến hóa bằng bạc hằng hữu sức sanh thành.

Trong giáo lý Bí Truyền, Bà Blavatsky đưa ra ba giáo điều căn bản.<sup>52</sup>

a. Chân như tuyệt đối hay là Parabrahma là cái trường thiên điều của Tâm thức tuyệt đối, nghĩa là cái Tinh hoa hoàn toàn siêu việt trên mọi hình thức hữu hạn. Nhưng một khi phát khởi một ý niệm từ cõi vô vi tuyệt đối này thì đã có nhị nguyên tương đối, gồm những đối tượng mâu thuẫn, như Tinh thần – Vật chất, Chủ thể – Khách thể. Tuy nhiên Tinh thần – Vật chất được coi như những khách thể riêng biệt độc lập, mà là hai phương diện của một Tuyệt đối thể Para brahma. Nó làm nền tảng cho mọi sinh hoạt hữu hạn dù là chủ thể hay khách thể.

Như vậy ta có thể nói, có một Lý Tiên thiên (Pre – cosmie Ideation) là khởi nguyên của mọi năng lực và mọi tâm thức, từ đó phát xuất ra cái Trí thông minh điều lý cơ tiến hóa vĩ đại của vũ trụ càn khôn. Mặt khác, có một Khí Tiên Thiên hay là vật chất nguyên thủy (MulapraKriti) làm nguyên liệu căn bản tạo nên mọi sắc tướng, hiện tượng hậu thiên.

Nhưng Lý và Khí Tiên Thiên vốn phải bao dung làm một. Vì nếu không có Tiên Thiên Khí, thì Lý Tiên Thiên không thể biểu hiện được, ngược lại nếu không có Lý Tiên thiên thì Khí ấy cũng chỉ là một thực thể trừu tượng vô vi.

Do đó vũ trụ ngoại tại tuy là Nhị nguyên nhưng đã sẵn được bao hàm bằng một lý Nhất nguyên.

b. Giáo điều thứ hai là Định luật chu kỳ Giáo lý bí truyền khẳng định rằng, toàn thể vũ trụ vô biên trong không gian và vô cùng trong thời gian hay là môi trường biểu hiện của vô số vũ trụ luôn luôn xuất hiện và biến tan của các bầu thế giới cũng ví như nước lớn nước ròng. Đó là quan niệm : “Ngày và Đêm của Brahma”, nghĩa là vũ trụ lần lượt nối tiếp những chu kỳ “Manva tara” sáng tạo, hoạt động và Pralaya, nghỉ ngơi, yên tĩnh.

Đây là một qui luật khiến cho vạn vật phải chịu một qui luật khác nữa là qui luật Tiến hóa. Đó là giáo điều thứ ba (vì có tiến hóa mới kinh qua những hữu hình để thành toàn một thực thể vô vi hoàn hảo thuộc về vô hình siêu nhiên được).

---

<sup>52</sup> Xem Les trois propositions fondamentales extraites de “ Introduction de la Doctrine secrete. (Le Letus bleu. No 8, Oct, 1968 p.252) và An Abridgement of the secret Doctrine (Edited by E. Puston and Christmas Humphreys) 1966, p.10,13)

c. Giáo điều thứ ba dạy rằng tất cả linh hồn đều đóng chung một tính chất với Đại Ngã. Và chính Đại Ngã cũng là một biểu hiện khởi nguyên từ Vô cực bất khả tri. Mỗi linh hồn là một linh quang xuất phát từ Đại Ngã, phải dự một cuộc hành hương trải qua thời kỳ nhập thể theo định luật Nhân quả và luân hồi. Nhờ đó mỗi chơn linh sở đắc được những trình độ của trí tuệ cho đến bậc Thượng Trí, xuyên qua cái cá6p khoáng vật, thảo mộc, con người rồi đến bậc Thiên sứ...

Tóm lại vạn vật và vạn linh, hữu hình hay vô hình đều tham dự vào một sự sống chung duy nhất bàng bạc trong Thiên nhiên và liên tục vươn lên một Tự ngã siêu việt. Cho nên con người là một phản ánh của vũ trụ, sẵn có nội tại những năng lực những nguyên lý và các trạng thái tâm thức của đại vũ trụ.

Để hình dung phạm trù đại vũ trụ ấy, Bà Annie Besant trong quyển “La Sagesse Antiqua” đã hệ thống hóa căn bản thuần nhất của các giáo lý như sau :

Một thực tại vĩnh cửu, vô cùng và bất khả tri.

Từ thực tại ấy phát sinh một Thượng Đế phát triển theo lý nhất nguyên lưỡng cực và lưỡng cực thành tam thể.

Từ Tam Thể biến sinh vạn hành vũ trụ.

Con người là phản ảnh Thượng Đế, bao hàm tam thể. Tự ngã nội tại của Người hằng hữu và nhất thể với Đại Ngã vũ trụ.

Con người sẽ luân hồi liên tiếp cho đến khi từ bỏ dục vọng, trở nên hiểu biết, chịu hy sinh và trở nên thánh thiện bởi chúng nó có sẵn một tiềm lực hướng thượng.

## B. PHẠM TRÙ NHÂN SINH TIỂU VŨ TRỤ TIẾN HÓA QUI HOÀN TỰ NGÃ :

Với cái nhìn vũ trụ, giáo lý các tôn giáo đã huyệt minh một bản thể đồng nhất của thiên địa vạn vật. Trên nền tảng của bản thể ấy có một nguyên lý tuyệt đối phóng phát hóa sinh vô vãn tạo vật hữu hình đồng thời thúc đẩy tạo Vật ấy tiến hóa theo một chu trình để trở về vô vi bản thể toàn thiện, toàn mỹ, toàn năng, thực hữu vĩnh cửu. Các tôn giáo đã cho thấy rằng Bản thể vừa siêu xuất vừa tiềm tại trong mọi tạo vật lại chứng minh nguyên lý hóa sinh trong mọi cá thể. Do đó, tính đồng nhất của vũ trụ là sự đồng nhất về nguồn gốc, về bản thể, lại đồng nhất cả trong sinh thành.

Vậy khi nhìn trở lại con người, là những sinh vật đang sống, đang có ý thức tiến hóa, đang có cứu cánh thành toàn tự ngã, các tôn giáo đã quan sát con người như một tiểu vũ trụ, có nghĩa là:

Con người đang sống là bản thể đang sống.

Con người đang ý thức là bản thể ý thức.

Tự ngã con người chính là bản thể.

Bà La Môn giáo bèn gọi tự ngã ấy là “Atman”

Atman là ánh sáng tối hậu của con người – là ánh sáng của mọi ánh sáng.

Trong khi Kinh Bradavanyaka Upanisad có cuộc thảo luận giữa vua Jnanaka với đạo sĩ Yajnavalkya.

Vua hỏi Đạo sĩ:

Này đạo sĩ Yadnavalkya, cái ánh sáng nào soi tỏ thân này?

Nhà đạo sĩ trả lời:

Tâu bệ hạ, ấy là ánh sáng mặt trời, mặt trăng, là lửa soi tỏ mọi sinh hoạt của Nó.

Nhưng đến khi mặt trời, mặt trăng, lửa đều không có?

Ấy là âm thanh trở nên ánh sáng, âm thanh hướng dẫn sinh hoạt Ta trong bóng tối. Đúng thế, nhưng đến khi âm thanh cũng không còn nữa thì sao?

- Đấy là Atman, Tự Ngã, Đại Tự tại, bấy giờ trở nên ánh sáng của người ấy. Vì nhờ có ánh sáng của Đại Tự Tại mà nó sanh hoạt.

Cho hay Atman là chủ của cuộc sống, của mọi hoạt động. Nhưng man không phải là năng lực sinh tồn theo nghĩa đen của chữ man là “hơi thở” mà man còn siêu việt hơn, man vẫn là thần khí điều hành nhịp thở vừa là tâm thức siêu nhiên hiểu biết đủ đầy.

Kinh Kathaka nói rằng: “Người ta không sống bằng hơi thở nó thở ra (Prāna) hay hơi thở nó hút vào (apāna) nhưng chúng sinh còn sống với vật thứ ba nữa mà hai vật kia phải nương tựa vào”. Cái thứ ba ấy chính là Prana – là nguyên lý của sống. Chính cái Prana ấy là Atman.

Trong thế giới tri thức cũng thế, Atman không phải là lời nói, là tai nghe mắt thấy, là trí hiểu biết thông thường. Đó chỉ là những tác động của man mà thôi, còn Atman là thực tại thống nhất tất cả các tác dụng ấy. “Thế giới là cái đức của Atman cũng như con nhện dệt màng nhện bằng những sợi tơ rút từ trong mình ra, cái vật xuất tự Atman ra và lại trở vào Atman. Khi ta ngủ say thì man thu lại vào mình nó tất cả những cái tự nó phát xuất ra khi người ta thức nếu muốn đạt đến man muốn tự tại trong Tự Ngã, người ta phải vượt qua tri thức kinh nghiệm, ý thức nội giới, chủ trì bằng trí Bát Nhã Prajna tối cao, có ý thức bất phân thuần nhất Nhưng trạng thái thứ tư “Turiya” mới thật là trạng thái tự tại của Atman.

“Turiya là trạng thái ý thức không chú ý vào nội giới chủ quan, không ý thức về thế giới khách quan, không ý thức cả hai thế giới chủ và khách, không phải là một khối bất phân của ý thức cũng chẳng phải là cái tri, cũng chẳng phải là vô tri. Turiya không phải để cho người ta tri giác bằng giác quan, không quan hệ với cái gì hết, không để cho người ta đạt đến bằng tri thức. Cái ấy không thể suy luận, tư nghị diễn tả được. Tinh túy cái ấy thuộc về thức tính thuần túy, mà chỉ một mình là Atman, phủ nhận tất cả ảo ảnh, đấy là bình an vĩnh viễn, lạc thú trường cửu và bài trừ tất cả lưỡng tính đối đãi. Đấy là cái gọi là Turiya; cái ấy sự thật là Atman, và chính cái ấy người tu phải thực hiện” .

\* Như thế, Bà La Môn diễn tả sinh lực tối hậu của man là Prana, diễn tả trạng thái tự tại của man là Turiya. Hơn thế nữa, Bà La Môn muốn diễn tả man là Bản Thể tiềm tại tế vi trong con người lại là thực thể của toàn vũ trụ bằng đại công thức TAT SWAM - ASI.

Bản thể tế vi ấy được Chandoya Up (VI,1,12-13) kêu gọi sự trực nhận của chúng ta qua câu chuyện “cái hạt quả vả” giữa cha con CVETEKETU ARUNEYA. Nó giống như cái thực thể nằm trong hạt vả mà CVETAKETU không tìm thấy được, nhưng người cha đã xác tín rằng:

“Sự thực con ơi, cái thực thể tế vi (Đạo tâm duy vi) mà con không tri giác được, chính nhờ cái thực thể tế vi ấy mà cây và lớn này đã mọc lên được. Con ơi con hãy tin rằng cái thực thể tế vi ấy đã tạo thành ra cả thế giới, toàn thể vũ trụ. Đây là thực tại, đây là Atman, Tự Ngã. Chính con là cái ấy (TAT SWAM ASI) hỡi CVETAKETU”.

Bản thể ấy lại chưa hòa đồng nhất khắp mọi nơi ví như muối hòa trong nước qua thí nghiệm của cha con chàng Cvetaketu. Cvetaketu không nhận diện được muối đã tan nhưng sự thực muối (từ cũ: “muốn”) vẫn còn đều khắp, không thành phần nào trong toàn khối nước mà không có muối. Nên người cha bảo:

- Ấy đấy, con ạ, con không thể tri giác được thực thể. Vậy mà thực thể vẫn còn đấy. Cái thực thể tế vi đã tạo thành toàn thể vũ trụ, đấy là Thực tại; đấy là Atman: Tự Ngã. Chính con là cái ấy, hỡi Cvetaketu.

Chính con là cái Ấy “TAT SWAM ASI quả là một Đại công thức Bà la môn. Nó khẳng định được các điểm như sau:

Con người vốn có một bản thể tế vi tiềm tại thúc đẩy tiến hóa trở nên ngang hàng với thực tại vũ trụ.

Tự ngã của con người đồng nhất với Bản thể vũ trụ.

Cho nên TAT SWAM ASI cũng chính là ATMAN = BRAHMAN

Thi. Up viết “Cái là Brahman ở người ta và cái là Brahman ở mặt trời, cả hai chỉ là một”

Chandeya Up. lại viết: “Trong cái đô thành Brahman là thần thể này có một trụ sở, một bông sen, trái tim, ở trong trái tim có một không gian nhỏ; cái gì ở trong ấy chính là cái ta phải cần tìm, chính đây là cái ta phải cố biết lấy” (Chad.8,I,1).

Do đó ý nghĩa rất ráo của giáo lý Bà la môn về nhân sinh là chính Con người phải đi tìm Bản ngã của mình ở bên trong nội giới của mình. Và một khi tìm gặp rồi thì cả mình và vũ trụ chỉ có một thực tại duy nhất đồng nhất là Brahman. Chỉ có một không phải hai, Advaita — là khẩu hiệu của Upanisad. Cho nên DEUSSEN đã viết trong Philosophy of the Upanisad như sau:

“... Cái chìa khóa để mở cửa chỉ có thể thấy được ở tại nơi mà chỉ ở đấy cái bị ta vậy. Chính điều ấy, lần đầu tiên, các tư tưởng gia độc đáo của UPANISAD đã hiểm của tạo vật mở ra cho ta từ bên trong, nghĩa là ở tại nội giới sâu kín của chúng khám phá khi họ nhận định cái Bản Ngã ATMAN, cái thực tại cá nhân nội tại của chúng ta cũng như là cái Đại Ngã BRAHMAN cái thực tại nội tại của tạo vật đại đồng và của tất cả hiện tượng.

Đây là giá trị bất tử của tư tưởng gia UPANISAD vậy” (P,p.30,40).

Như thế Upanisad đã nêu ra cứu cánh nhân sinh là thực hiện cái nối liền man Brahman, mà cái nối liền đó là điểm trung tâm nội giới con người. Phật giáo lại nhìn thấy khoảng ngăn cách giữa Tự Tính và Chân Như là Vô minh.

Vô minh là gì? là vũ trụ nội giới và ngoại giới vô thường và vô ngã. Con người sẽ thực hiện được Chân Ngã khi nào có nhận thức đúng chân tướng của vô minh.

Nơi mỗi cá thể chúng sinh, vô minh là “Sắc, thọ, tưởng, hành, thức”. Nên Kinh Samyutta – Nikaya viết:

“Khi nào người ta xưng “Tôi” là người ta ám chỉ vào hoặc là tất cả ngũ uẩn tập hợp hoặc là một trong ngũ uẩn. Và người ta đối mình cái ấy là Ta thật.”

Cho là “Tự dối” vì đã nhận một tập hợp (uẩn) vô thường làm ngã.

Sắc uẩn: mắt, tai, mũi, lưỡi, da thịt là giả hợp của Địa, thủy, hỏa, không.

Thọ uẩn là giả hợp của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là (Pháp là cái nhân ý thức mà khởi ra)

Sắc uẩn với thọ uẩn tương ứng với nhau mà sinh ra tư tưởng. Đã có tư tưởng thì giành nghĩa là động tác ở thân, ở ý, ở khẩu tam nghiệp. Còn cái hay biết những điều nói trên là Thức.

Do đó xét về cấu thể thì con người hiện hữu tạm thời, không chủ động và có những biểu hiện tương đối. Cả cái ý thức của con người cũng không thay mặt cho thực tại con người được. “Ý thức chỉ là một từng gián đoạn những ba động tâm linh liên kết với cơ thể sinh sống có biểu hiện ra để biết qua một quãng đời ngắn ngủi 9RHYS DAVIDS: Buddhist. Psychology). Đời người là một giai đoạn vô minh. Sinh hoạt của nó là một chuỗi nhân duyên. Khuynh hướng của nó là do nghiệp lực. Vì vậy con người thực hữu không phải là một thực tại ngừng định. Con người vốn bao gồm, quá khứ, hiện tại, và tương lai. Chính sự biểu hiện không ngừng của danh Sắc - Tâm thân mà con người không thực hiện được Tự Ngã. Nếu muốn tìm ra Tự Ngã trước hết phải quán sát các yếu tố làm cấu thể con người và các động lực chuyển luân con người, nghĩa là phải nhất quán con người trong phạm trù vô minh của nó. Tiên khởi ít ra phải nhận định như Bergson (Triết gia Pháp) rằng:

“Sự thực chúng ta là gì, nhân cách chúng ta là gì? Nếu chẳng phải là sự kết tinh của lịch sử chúng ta đã từng sống, kể từ khi mới sinh ra, từ trước khi sinh ra nữa, vì chúng ta mang ở bản thân chúng ta những khuynh hướng có trước khi sinh. Hẳn rằng chúng ta chỉ suy nghĩ bằng một phần nhỏ quá khứ của chúng ta nhưng chính với tất cả quá khứ, gồm cả khuynh hướng nguyên lai của tâm hồn mà chúng ta mong muốn dục cầu, hành động.

Vậy quá khứ của chúng ta biểu hiện toàn thể ở tại nơi chúng ta bằng sự thúc đẩy của nó, và trong hình thức khuynh hướng bản nhiên, tuy rằng chỉ có phần nhỏ trở nên biểu thị. (Evelution Creative,p.5).

NAGASENA trong Milinda panh cũng ví các kiếp người như một ngọn đèn cháy liên tục, ngọn đèn luôn luôn mỗi giây phút đều là ngọn đèn mới kế tiếp ngọn đèn cũ của phút giây trước. Vậy không có phút giây nào Ta là Ta thật cả, mà toàn thể thời gian cũng chỉ là những cái vô ngã nối tiếp mà thôi. Cho nên trước sau ngọn đèn chỉ biểu hiện cho vô minh là biểu hiện của nhân quả duy trì bởi nghiệp lực tập hợp các điều kiện mà không có Tự tính, không làm sáng tỏ Tự tính.

Bởi vậy, như Anansa K. Coormarasnamy viết: “Cái bệnh mà Phật tìm thuốc chữa là cái bệnh đau khổ do sự hủy diệt của tất cả cái gì sinh thành, tập hợp và không lâu bền gây ra đau khổ. Vô thường, vô ngã (dukkha, anicca, anatta) là đặc tính của tất cả sự vật tập hợp của tất cả cái gì không có Tự Tính... Tất cả hiện hữu đều phải duy trì bằng thực phẩm vật chất hay tinh thần đây là một định lý cũng như lửa phải nuôi bằng nhiên liệu. Cũng với cái ý nghĩa ấy mà thế giới này đang cháy và chúng ta đang bị đốt cháy, lửa của ý thức về ngã, về tự kỷ là Tham, sân, si.

“Cái lửa ấy chỉ có thể dùng cái gì trái nghịch với nó để mà tắt đi bằng cách thực hành đạo đức thích hợp, bằng cái đức sáng của trí tuệ. Nói khác đi, lửa ấy chỉ tàn, chỉ tắt hẳn khi nào không còn nhiên liệu nữa. Chính cái sự tắt lửa ấy gọi là tịch diệt, Nirvana

(Niết Bàn) và Nirvana tự nhiên làm cho người ta liên tưởng đến cái gì mát mẻ.” (La pensee du Bouddha Ed. Cornéa tr.35)

“Tịch diệt” như trên có nghĩa là xóa tan thế giới ảo tưởng, xóa tan huyền ngã nhưng thế giới thật vẫn hiện hữu, sự vật vẫn hiện hữu, chỉ có một chắc là kẻ giác ngộ đã thấy rõ thực tướng của vô minh, chứ không còn là một hiện tượng vô minh thì Samsara (luân hồi) nhìn trong giác ngộ thì Nirva (Niết Bàn). Kinh Nagarjuna viết:

“Niết Bàn chẳng phải là vô hữu”

Samyutta Nikayya lại viết:

“Diệt trừ dục vọng, diệt trừ thù ghét, diệt trừ mê lầm, đây bạn ơi, người ta gọi là Niết Bàn” .

Cho nên trong Niết Bàn mới có Như Lai là Chân Ngã toàn giác soi thấu thực tướng vạn hữu. Giác là đạt đến Trí Tuệ (Prajna) vượt lên tri thức kinh nghiệm phân biệt, cục bộ và vượt lên tâm lý tình cảm ngã chấp, chứng kiến vũ trụ nhất như, chúng sanh bình đẳng.

Vậy vô minh là thế giới biến hiện vốn hiện hữu tự nhiên, thực ra không phải có thế giới hay thế gian ngăn cách Tự tính với Chân Như mà chỉ do chúng sanh “mê” chưa Giác chưa “kiến tính”. Giác hay Biết là năng lực chuyển hóa thân tâm kinh qua thế gian thoát ra nghiệp lực thành toàn Chân Ngã.

Radhakrishnan diễn tả cuộc chuyển hóa ấy như sau:

“Đây là sự đạt đạo nó đem lại một sự hoán cải trong tinh thần

“Dục vọng vị kỷ không có thể nổi dậy trong một tinh thần mà chân lý đã minh chiếu. Vậy nên tâm hồn giải thoát gọi là PHẬT (BUDDHA), bậc Biết đạo đức là biết về Thiện.

Biết là cả một đời sống Đạo lý mà chúng ta chỉ có thể thu hoạch bằng cách thanh khiết tâm hồn hết những ảnh hưởng tối tăm của đam mê và kích thích. Trí thức không phải cái vật để con vào trong một góc nào của não bộ, nhưng là cái gì nó thâm nhập vào trong bản thể chúng ta, ám ảnh tâm hồn chúng ta và thân mật với chúng ta cũng như sự sống vậy. Chính cái năng lực chủ động ấy qua tri thức đã khuôn đúc toàn thể nhân cách, rèn luyện xúc cảm và điều tiết ý chí”.

(Indian philosophy p.431)

Như thế, nhìn thẳng vào thực trạng đau khổ của chúng sanh tại thế gian, Phật thấy rõ nguyên nhân của nó, là sự mê làm bèn dạy ta thực hành cái Biết. Cái Biết đối trị vô minh và diệt khổ; không chấp có ta mà đương nhiên phát huy Tự tính, không quan tâm đến vũ trụ siêu nhiên mà thể nhập vào Bốn thể chân như. Cho nên thực hiện “chánh kiến” là thực hiện Tự Ngã như Robert Linssen viết như sau:

“Ấy là thâm nhập vào bản thể thăm trầm bằng cái gì thân mật nhất, khó tả nhất. Nhưng chúng ta chỉ có thể làm được thế bằng cách biểu lộ đầy đủ tâm hồn chúng ta cho chính chúng ta, ở toàn thể thực tại của chúng ta; vừa ở chỗ biểu hiện vừa ở trong thâm sâu. Chỉ có bản thể mới có thể Kiến, thấy được bản thể”. (R.L. Boudhisme Zen)

Ed "tre libre" Bruxelles” .

Cho nên tầm mức “Con người” là tầm mức “Vũ trụ”. Lão Tử không ngần ngại gì mà chẳng đặt “Con người” vào phạm trù “Đại Đạo”.

Cổ Đạo đại, Thiên đại, Địa đại, Vương diệc đại, nhi Vương cư kỳ nhất yên” (Chương 25).

“Vương” hay “Người” là một trong bốn cái “Lớn” trong vũ trụ. Mà Lớn là đi là xa, xa là trở lại;

Đại viết thế, thế viết viễn, viễn viết phản.

Nghĩa là giá trị lớn nhất của con người là giá trị “vô bất tại” hay là “đồng vắng lai” và để có giá trị ấy thì Trang Tử xếp vào Thiên quân tức là khuôn trời. Ở Thiên ngụ ngôn Nam Hoa Kinh Trang Tử viết:

“Vạn vật giai chủng dã, dĩ bất đồng hình tương thiện, thủy tốt nhược hoàn mặc đặc kỳ luân Thị vị Thiên quân”

(Vạn vật đều là một giống vậy, lấy hình không đồng nhược cho nhau. Đầu cuối như cái vòng ngọc, chẳng biết đạo thường của nó, thế gọi là khuôn trời) (Theo Nguyễn Đăng Thục)

Vậy Đức tính của “Người” là đức tính của Đạo.

- Một là vì: “Đạo giả, vạn vật chỉ áo, thiện như chi bửu, bất thiện như chi sở bảo” (Đạo là cái tôn quý, sâu kín của muôn loài, là châu báu của người lành, là chỗ dựa nương của kẻ chẳng lành) (Đạo Đức Kinh Chương 62) và “thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc” (Cho nên Thánh Nhân mặc áo vải mà chứa ngọc) (Đạo Đức Kinh Chương 70)

- Hai là vì “Phản giả đạo chi động” (Đạo đức Kinh Chương 40): Quay trở về là cái động của Đạo. Nên “vạn vật giai xuất ư cơ, giai nhập ư cơ” (Trang Tử – Thiện Chí Lạc – Nam Hoa Kinh) (vạn vật từ cơ vi trời đất mà ra lại trở về với cơ vi của Trời đất) trong khi đó đường lối của con người là có thể tiến hóa theo cái khuôn phép tự nhiên của Trời đất từ “hình nhi hạ” lên “hình nhi thượng” tức là theo Đạo:

Nhơn pháp Địa

Địa pháp Thiên

Thiên pháp Đạo

Đạo pháp tự nhiên. (Đạo Đức Kinh, Chương 25)

“Người” ấy là thánh như thấy được Đạo do nơi mình và trong chính mình như Lão Tử viết:

“Bất xuất hộ tri thiên hạ, bất khuy du kiến Thiên Đạo”

(Đạo Đức Kinh, Chương 47)

Người ấy là Chơn Nhơn “nghe được Đạo” “Không lấy cái tình người mà chống với lẽ Đạo nơi mình, không lấy cái “Người” nơi mình mà làm trở ngại lẽ “trời” nơi mình” như Trang Tử viết:

“Thị chi vị bất dĩ tâm tổn Đạo, bất dĩ như hộ Thiên. Thị chi vị Chân như (Đại Tông Sư)

Được vậy, Người mới có thể tự mãn đứng giữa vũ trụ mà rằng: “Chả lẽ cái ta là Trời lại chẳng phải là Người và cái ta gọi là Người lại chẳng phải là Trời sao?”

Dụng cụ tri ngô sở vị thiên chi phi như hồ, Sở vị như chi phi thiên hồ? (Đại Tông Sư)

Lão Trang đã lấy chỗ đồng nhất giữa Tính người và Tính Đạo để nhận chân giá trị “Lớn” của Con người thì Nho tông nhìn ngay vào bản chất thực hữu của đối tượng Người là “Sinh” để thấy Người là tinh hoa của Trời đất bao hàm đầy đủ các yếu lý của Trời đất.

Bởi Dịch, Hệ Từ viết: “Thiên Địa chi đại đức viết sinh” lại viết “Sinh sinh chi vị Dịch” cho nên sự sống của con người không thoát ra ngoài Thiên Địa và cũng phải ở trong lẽ Dịch. Sách Lễ Ký định nghĩa con người theo quan điểm đó như sau:

“Nhân giả, kỳ Thiên Địa chi Đức

Âm dương chi giao.

Qui Thần chi hội.

Ngũ hành chi tú khí dã.”

Người là cái Đức của Trời Đất tức là cái hệ quả xuất sinh của Trời Đất, nhưng nó không phải là một tạo vật đơn thuần mà là một “thọ bẩm” có tương quan gắn bó với Trời đất, luôn luôn triển chuyển theo vũ trụ. Được Nho Giáo xác nhận là “Đức của Trời đất”. Con người có đầy đủ triển vọng tiến hóa theo Thiên. Đạo trong nguyên lý mà Lão Trang gọi là “Đạo sinh chi, Đức súc chi” (Đạo sinh ra, Đức hàm dưỡng) bằng chứng đã nói Con người là một giao hội của âm dương và tinh hoa của Ngũ Hành.

Vậy xét về mặt “Sinh” mặt Thực hữu của con Người, thì con Người nằm trong Thiên cơ: “Vô Cực – Thái Cực – Âm Dương – Ngũ Hành” và được kết tụ phẩm chất cao quý nhạc so với vạn vật xuất sinh từ Thiên cơ ấy. Nên Chu Liêm Khê viết:

Vô Cực chi chân, nhị ngũ chi tịnh

Diệu hợp nhi ngưng

Càn Đạo thành Nam

Khôn Đạo thành Nữ

Nhi khí giao cảm hóa sinh vạn vật

Vạn vật sinh sinh nhi biến hóa vô cùng yên.

Duy nhân dã đặc kỳ tú. (Thái Cực đồ thuyết)

Tạm dịch:

Vô Cực vốn là nguồn Chân Lý,

Nơi ẩn tàng nguyên ủy lưỡng nghi

Ngũ hành kết tụ huyền vi

Sinh trai sinh gái Đạo tùy Kiền Khôn

Âm dương giao cảm huân chương

Muôn loài sinh hóa không ngừng hóa sinh

Chỉ người bẩm chất tuyền tinh.

Nhưng “Thiên Địa chi Đức” còn có nghĩa là vẻ sáng của Trời Đất, tức là “Minh Đức” Trời ban cho người mà sách Đại Học chủ trương người ta phải làm sáng tỏ cái “Đức Sáng” đó bằng sự học để tu thân tề gia, trị quốc. Đức sáng đó là Tính hay Thiên Tính. Bởi vậy ngoài mặt “Sinh” phải xét đến mặt “Tính” của con người mới thấy giá trị “tối linh” của sinh vật này. Đó là chỗ mà Sách Lễ Ký đã nói: “Qui thần chi hội” và Chu Liêm Khê nói:

Duy nhân dã đặc kỳ tú

Nhi tối linh

Hình ký sinh hỹ

Thần phát tri hỹ

Ngũ tính cảm động. (Thái Cực Đồ thuyết)

Nghĩa là: Chỉ có người thọ bẩm tinh hoa cao nhất của Trời Đất, lại tối linh, khi hình đã sinh thì tinh thần phát hoạt mà hiểu biết và nhân nghĩa lễ trí tín nảy sinh mà phân biệt phải trái.

Mạnh Tử căn cứ vào Tính tối linh ấy mà cho rằng tính người vốn lành và mọi người đều có cái tính giống nhau làm một cái Lý chung của tâm người ta.

Ông viết: “Nhân tính chi thiện dã, do thủy chi tựu hạ dã. Nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ”

(Tính lành của người ta cũng ví như nước chảy xuống chỗ thấp vậy. Người ta không ai không có tánh lành, không nước nào là không chảy xuống chỗ thấp cả).

(Câu này làm ta nhớ đến câu: “Đạo giả, vạn vật chi áo, thiện nhơn chi bửu, bất thiện nhơn chi sở bảo” của Lão Tử)

Ông lại viết: “Miệng đối với vị ngon cũng ưa thích. Tai đối với tiếng nói dịu hay cũng thích nghe; mắt đối với sắc có màu đẹp cũng ưa nhìn. Đến cái tâm há lại không có một cái gì cùng cho làm phải ư? cái tâm cũng cho làm phải là cái gì? là Lý vậy, là nghĩa vậy. Đấng Thánh Nhân biết trước được cái mà tâm người ta cùng cho làm phải đấy mà thôi.” (Cáo tư, Thiên thượng, theo Nguyễn Đăng Thục. Lịch sử Triết học Đông Phương tập 2, tr.41)

(Khẩu chi ư vị, dã hữu đồng thị yện. Nhĩ chi ư thanh dã, hữu đồng tính yên; mục chi ư sắc dã, hữu đồng mĩ yên. Chí ư tâm, độc vô sở đồng nhiên hồ? Tâm chi sở đồng nhiên giả hà dã? Vi lý dã, nghĩa dã. Thánh Nhân tiên đắc ngã tâm chi sở đồng nhiên nhĩ)

Bởi vậy Mạnh Tử cho rằng những biểu hiện tình cảm trong sinh hoạt hằng ngày của Con Người có gốc ở Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Mà qua thuyết Tứ Đao mà:

“Nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm

(Nhân nghĩa lễ trí gốc ở Tâm) Tận tâm, Chương Thượng

Và từ tâm. Mạnh Tử trung nguyên đến Tính chính là cái Đức siêu việt nhất khiến cho Người biết Trời và hợp nhất được với Trời. Ông viết:

“Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã, tri kỳ tính tắc tri thiên hỹ. Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã”.

(Trọn hết tâm của mình thì biết cái tính của mình. Biết hết tính của mình thì biết đến Trời vậy. Giữ được tâm của mình, nuôi được tính của mình ấy là để phụng sự Trời vậy (Mạnh Tử, Tận Tâm)

Do đó cái “Sống” đích thực của con người là cái “Mệnh” một khi người đã trọn được tính. Chính “Mệnh” là năng lực góp phần vào cuộc hóa sanh của Trời đất. “Mệnh” diễn tả con người đã “thành”.

Nên Dịch, Thuyết Quái viết: “Cùng lý tận tánh, dĩ chí ư mệnh” và Nho gia Trương Tử lại viết:

Thiên thụ ư nhân tác vị mệnh

Nhân thụ ư thiên tác vi tính.

Tóm lại, có thể đọc câu nói của Vương Dương Minh như sau để nhận định phạm trù “Người” nằm trong phạm trù “vũ trụ”.

“Lấy hình thể bao la mà nói thì gọi là Trời; lấy chủ thể sai khiến mà nói thì gọi là Thượng Đế - Lấy chỗ lưu hành vận dụng mà nói, thì gọi là mạng; lấy chỗ bẩm nơi người mà nói thì gọi là Tính. Lấy chỗ chủ sử sai khiến ở thân mà nói, thì gọi là Tâm.

(Tự kỳ hình thể dã, vị chi thiên, Chủ tế dã vị chi Đế, lưu hành dã vị chi mệnh, phú ư nhân dã vị chi tính, chủ ư thân dã vị chi tâm) (Ngũ Lục, I, Nho Giáo Trần Trọng Kim, Q. Hạ, tr.241)

Câu nói của Vương Dương Minh là một đúc kết bí quyết của Đạo Nho chỉ ra cửa ngõ đi vào Bản Thể vũ trụ là Tâm. Chính từ Tâm mà con người thể nhập vào Tính vào Thượng Đế vào Vũ Trụ (Thiên) là thực tại của một thực tại duy nhất.

Thế nên cốt yếu của Ky Tô Giáo cũng là nằm được đầu mối Thánh Linh của Tâm linh để ý thức rằng là con cái Đức Chúa Trời, và từ địa vị con cái Đức Chúa Trời con người sẽ thấy mình được thừa hưởng cả gia tài vũ trụ. Như Thánh Phao Lô viết: “Chính Thánh Linh cùng tâm linh chúng ta đồng chứng rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời. Lại nếu đã là con cái thì cũng là kẻ thừa thọ, tức là kẻ thừa thọ của Đức Chúa Trời và là đồng thừa thọ với Christ” (La Mã, 8.16-17).

Vậy một khi Nho gia “Tận kỳ Tính dĩ chí ư mạng” thì người Ky Tô Hữu, một khi đã nhân danh con Thiên Chúa tất nhiên nhận lãnh một sứ mạng trong cuộc sống của mình, nghĩa là lúc đó đương nhiên cuộc sống con người đã được Thánh hóa như Nho gia đã “tán thiên địa chi hóa dục” và “dữ thiên địa tham”. Nhà bác học Teilhard de Chardin của Ky Tô Giáo có khác chi Mạnh Tử khi viết rằng:

“Thực vậy, đối với một thụ tạo, nên Thánh gì nếu không phải là bám vào Thiên Chúa hết lòng hết sức? Và bám Thiên Chúa hết lòng hết sức là gì? nếu không phải là chu toàn trong Vũ Trụ đã được tổ chức chung quanh Đức Ky tô cái phận vụ rõ ràng, đủ là tầm thường hay cao trọng, đã được dành riêng cho mỗi thụ tạo tùy theo sứ mạng tự nhiên và siêu nhiên của mình! (Cảnh Vực Thần Linh, bản dịch của Triều Hùng, Triệu Bá Vi, tr.60)

Quan điểm Ky Tô này đặt con người vào vị trí vừa có giá trị siêu nhiên vừa có giá trị nhân bản. Nghĩa là không phải vì Đức Tin Thiên Chúa mà con người tự ti rằng mình tội lỗi, không phải vì có nước Trời mà cuộc sống thế gian trở nên vô ích. Ngược lại.

Người rất gần Chúa

Thế gian không phạm tục.

Nhà huyền học Eckhart há đã chẳng từng viết : “ Sự hòa hợp của linh hồn với Chúa còn gần gũi hơn hòa hợp của linh hồn với thể xác,...<sup>53</sup> Chỉ còn lại vấn đề là con người sống với linh hồn hay sống bằng thể xác, đó là quyền bằng thể xác, đó là quyền chọn lựa của con người chứ Chúa mặc nhiên vẫn ở gần và ở trong ta.

Vì như Thánh Thomas d’ Aquin chê trách con người chỉ biết tôn thờ Thượng Đế ở Thánh Đường ngoại tại hay trong ảo tưởng mộng lung : “ Nhiều tâm hồn thật hết sức mù quáng, hết sức là điên cuồng. Họ luôn luôn tìm cầu Thượng Đế, trong khi mà tâm hồn họ thực ra lúc nào cũng là tòa ngai Thượng Đế, vì tâm hồn họ chính là nơi sở cư Thượng Đế

<sup>54</sup>

<sup>53</sup> Huyền học Đạo Phật và thiên Chúa. Suzuki. Kinh Thi tr. 113

<sup>54</sup> Baron von Hugel quotes the following passage attributed to St- Thomas Aquinas :” Gxat is the blindness and exceeding the folly of many souls yhat are ever scking God, continudusly sighing of terk God, and frequently desiring God, while all the time, they are themselves the taberhacles of the living God... since thein soul is the

Nhưng chính cõi trần gian là môi trường hoạt động để cho con người un đúc linh hồn, để góp nhặt tinh hoa vũ trụ vào linh hồn, để linh hồn tham dự vào vũ trụ mà cũng là thành toàn chính mình. Con người chỉ mới có ý thức về linh hồn chưa đủ, con người còn phải sống như Teilhard de Chardin nói :” Nơi mỗi linh hồn, Thiên Chúa yêu thương và cứu độ một phần nào toàn thể vũ trụ, cái vũ trụ đã được linh hồn thu nhỏ lại, cái tổng hợp này, được ban cho chúng ta, không phải là một cái gì đã xong xuôi, đã hoàn tất, khi chúng ta bắt đầu có ý thức. Nhưng nhờ hoạt động, chính chúng ta phải là người góp nhặt cần mẫn những yếu tố đã bị vung vãi khắp đó đây...

“ Như thế, mỗi người trong suốt cuộc đời hiện thế của mình, không phải chỉ cần tỏ ra mình biết vâng phục và dễ bảo là đủ. Nhờ lòng trung tín, mỗi người phải xây dựng, bắt đầu từ lãnh vực tự nhiên nhất, một sự nghiệp mà trong đó có sự góp nhặt của một cái gì thuộc về toàn thể những yếu tố của trái đất. Mỗi người phải tự tạo lấy chính linh hồn mình dọc theo những năm tháng ở trần gian.<sup>(55)</sup>

Khi con người đã sống một cách nhất quán giữa linh hồn, trần gian. Chúa và Vũ Trụ như thế nào thì nghiệm nhiên có thể nói như Thánh Phao Lô rằng :

“Tôi sống chẳng phải tôi sống mà là Chúa sống trong tôi “<sup>56</sup>

“Chúa sống trong tôi “ là thực tại mà Thông Thiên Học diễn tả bằng thuật ngữ “ La Vie Une” Sự sống đồng nhất Hiệp nhất của Vũ Trụ.

Nguyên thủy của giáo lý bí truyền Thông Thiên Học là có một nguyên lý Tuyệt đối phóng phát biểu hiện thành vũ trụ, ngân hà, thiên thần, loài người và vạn loại hữu hình hay vô hình, tức là một toàn thể tham dự vào cuộc sống Duy Nhất rung động trong mọi tầng lớp của thiên nhiên, hướng về một sự biểu hiện ngày càng rộng lớn. Trong cuộc sống chung hiệp nhất ấy Thông Thiên Học xem con người là một phản ảnh của vũ trụ (Reflet de l’Univers). Con người tự hữu đầy đủ mọi huyền năng, mọi nguyên lý và mọi trạng thái tâm thức của vũ trụ. Tuy nhiên, đó là những chủng tử cần phải được đánh thức bằng cuộc sống và bằng luật tiến hóa của sự sống.

Theo giáo lý Thông Thiên Học, dù chúng ta có thể nghiên cứu bản chất con người dưới nhiều quan điểm người ta không thể tách rời nó một giây phút nào khỏi toàn khối vũ trụ, không thể quan niệm nó như một phương diện bất toàn trong khi Nó là một : “ Thần

---

seat of God, in which he continuously reposes “ (De Beatitudine, III, 3. Baron von Hugel : The Mystical Element of Religion : nd ed. (1923) II pp. 151, 2-gf. Radhakrishnan, east and west some reflections. Harper and Brothers Publishers, New York, 1956, p.72, note, I)

<sup>55</sup> Sđđ : tr.50,51

<sup>56</sup> Galates 2.20

Nhân” ( L’Homme Céliste), một vũ trụ hoàn toàn – nếu không muốn thất bại vì sự tìm hiểu Con người. Thế nên, mỗi thành phần của vũ trụ đều có tương quan nhau, và chúng ta đều là anh em.

Cuộc tiến hóa của vũ trụ là một tiến trình không ngừng mà mọi tạo vật đều có thể tự phát huy từ trong tâm thức của mình. Mỗi cá thể tuy có thể cách biệt, nhưng là một thành phần của sự sống đồng Nhất, của Tâm thức duy nhất và một tinh thần chung. (La Vie Une, La Conscience Une, L’Eprit – Un) Điều đó xác minh con Người tự hữu những nguồn năng lực vô hạn mà Nó có thể phát huy để vận dụng cho cuộc tiến hóa. Trong khi tập sống với bản ngã nội tại, Con Người có thể mở rộng tâm thức mãi và nhờ đó Con Người càng thấu đạo hơn lẽ đồng nhất của cuộc sống và sẽ có một nhân quan mới mẻ.<sup>57</sup>

Do đó dưới nhãn quan một thực thể vận hành tiến hóa, Thông Thiên Học xem con người là một tiểu vũ trụ (Micro Cosme), một vũ trụ có đầy đủ mọi đẳng cấp Thiên Thể . (Hiérarchies des Cieux), thành ra ở điểm cứu cánh của Nó sẽ không còn Tiểu hay Đại nữa, bởi vì Bản thể nó chính là Bản thể đồng nhất duy nhất của Trời. (L’Existence Unique)<sup>58</sup>

Còn trong quan niệm liên quan đến Thượng Đế, Thông Thiên Học cho rằng con người là Thượng Đế đang thành (Dieu en devenir) nghĩa là Thượng Đế tiềm ẩn trong chúng ta cho đến khi nào tỉnh giấc mê thì ta trở nên Thượng Đế tức là một Chân Nhân<sup>59</sup>

Cho nên, Thông Thiên Học cho rằng sứ mạng của nhân loại là làm một cuộc đại hòa điệu (Une Symphonie) trong dàn nhạc thế giới bằng cách điều chỉnh những sai biệt giữa con người với con người, với ngoại cảnh và những lệch lạc ngay bên trong tâm hồn mình như sự điều chỉnh các nhạc công mà nhạc trưởng Chân Ngã một tình cảm và lý trí đã trở nên thuần nơi mỗi người.<sup>60</sup>

<sup>57</sup> Lotus Bleu. Ferv, 19-). Une Symphonie inachevée p.47

Itellen Zahara, Causerie faite au Congrès de Salzbourg, 7./1966

<sup>58</sup> Lotus Bleu Oct, 1968, Comment Etudier la Doctrine Secrète p.250 :L’Homme est le microcosme. L’étant, alors toutes les Hiérarchies des Cieux existent en lui. Mais il n’y a en vérité ni Microcosme ni Macrocosme mais l’Existence Unique. Grand et petit ne sont tels qu’a vue par vue par une conscience limitée.

<sup>59</sup> La thèse théosophique est que l’homme, l’humanité est “ Dieu en devenir “ Dieu est inconscient jusqu’à ce que l’homme ne s’éveille. L’Homme est alors Dieu en réveil. (Lotus Bleu, Dec, 1967 Liberté et Responsabilité, Wallare, V, Slater, p.316)

<sup>60</sup> Pour en venir au titre de ma causerie “ Une symphonie Inachevée” Et à son analogie avec la situation humaine, un dictionnaire définit la symphonie comme “ Quelque chose qui, dans sa complexité hars. Neuse de variétés, suggère une composition symphonique “et on peut voir que nous avons bien du chemin à faire pour résoudre les discordances évidentes qui nous entourent et aussi qui sont en nous, avant que la complexité de variété dans l’humanité puisse être considérée

Ở giữa cuộc vận hành liên tục của phạm trù vũ trụ ấy. Con người cũng đương nhiên bao hàm một bản thể và vuộc sống của con người là thị hiện của bản thể ấy với sứ mạng hoàn toàn Tự Ngã hiệp nhất với bản thể vũ trụ nghĩa là sinh thành theo nguyên lý sinh thành của vũ trụ và chu toàn theo qui luật hoàn nguyên của trời đất.

Tóm lại, qua giáo lý thuần nhất ấy, ta khả dĩ nhất quán được Bản Thể – Hiện Tượng – Tượng- Tượng quan giữa bản thể – hiện tượng xuyên suốt từ vũ trụ cho nên con người. Nhưng sứ mạng của Đạo Pháp là minh thị cho con người Chân Ngã đồng nhất với Bản thể vũ trụ, để thực hành con đường phản bổn hoàn nguyên bằng khả năng, năng lực, khả năng và luật tắc hằng tại nơi con người.

Do nền tảng giáo lý Vệ Đà Upanisad Đạo Pháp Bà La Môn dạy ta phân biệt giá trị tương đối của con người đồng thời chỉ rõ đường lối thực hiện giá trị tuyệt đối để đạt đến thực tại tối hậu.

a- Trước hết Bà La Môn phân biệt Tri thức (Jnâra) và Viên Giác (Vijâra) nơi mỗi cá thể.

Tri thức dựng trên giác quan, giác quan thu thập các hình ảnh ngoại giới nên hiểu biết của tri thức là hậu quả suy luận của một chủ thể trước một khách thể nên tri thức là hiểu biết nhị nguyên không đạt được đồng nhất tính của thực tại duy nhất. Cho nên tri thức không thể là phương tiện giải thoát, không là trạng thái viên mãn của Tự Ngã.

Vậy cái biết toàn diện hay viên giác phải vượt lên tri thức giác quan ngoại tại bởi tư tưởng biến ảo nội tâm. Để không bị phân tán trong trí giác sai biệt và không sai lầm theo vọng niệm đầy dẫy.

Bà La Môn thường diễn tả các trình độ hiểu biết bằng ba trạng thái :Thức, mộng và ngũ say không mộng.

- Trạng thái thức là trạng thái ý thức về vật bên ngoài trong lúc tiếp xúc với các hiện tượng.

- Trạng thái mộng là trạng thái của ý thức quay vào bên trong. Vì :Khi nó ngũ đem theo với nó một phần kinh nghiệm của thế giới lúc thức, nó phân khai ra và phối hợp lại

---

comme harmonieuse...Pour régler l'ensemble des musiciens, il ya aussi un chef d'orchestre capable de visualiser l'archétype et la beauté du morceau symphonique qu'il joue. Dans le cas le l;humanité, le chef d'orchestre peut ne pas être visible physiquement et n'est pas sistinet des musiciens, c'est la vie et la conscience dixetricees qu'on peut découvrir dans l'esprit de chacun, si le coeur et le mentre peuvent êtr ouvert au Soi réel. (Lotus Bleu, Fevr 1967, p.50)

theo ý riêng nó để thực nghiệm trong cảnh mộng với ánh sáng riêng “ (Bradaranyaka Up)<sup>61</sup>

Như thế ý thức lúc đó là ý thức của một chủ thể với những đối tượng là hình ảnh ngoại giới tồn tại trong trạng thái ngủ, nghĩa là trạng thái sinh hoạt nội giới<sup>62</sup>

Trạng thái ngủ say trong đó kẻ nằm ngủ không đòi hỏi một đối tượng nào nữa, và không thấy một cái mộng nào hết. Đây là khối ý thức bất phân là Prâjna. Bát Nhã hay trực giác thường nhất của nội giới tĩnh lặng. Nhưng BaLaMôn còn giới thiệu trạng thái tốt đỉnh, trạng thái thứ tư mà con người không còn có thể dùng một mức độ tri giác nào để định nghĩa nó được nữa. Nó đã trở nên bất khả tư nghị. Nó không phải nội giới, ngoại giới, không có tri thức nhưng nó đã thực hữu, toàn giác và an lạc. Nó là Atman. Đó là sự trở nên Tự thể mà Bradaranyaka U.p II, 4 đã viết như sau :

“ Ở đâu còn đối đãi, vật này biết vật kia, vật này suy nghĩ vật kia. Nhưng đối với cái gì mà tất cả nên Tự thể thì nó làm thế nào có thể cảm thấy ai, làm thế nào nhìn được ai, làm thế nó biết tất cả sự vật hiện hữu ? Làm thế nào nó có thể biết được Người biết”(Bản dịch của Renou – Dẫn theo Nguyễn Đăng Thục)

b/. Muốn thực hiện tự ngã Balamôn dạy pháp môn thiền định du già (Dhynayoga) là phương thực nghiệm tâm linh trải qua ba giai đoạn chính.

1/ Thanh lọc tâm hồn. Thân xác và giác quan chuẩn bị cho sự nảy nở của ý thức thiêng liêng Katha Up viết :

“Tâm linh ngự tại bên trong mỗi cá nhân mà người ta không thấy được là vì sự mừng giận và luyến chấp vào sự vật trần tục làm cho người ta mê muội. Khi nào một người thực hiện tâm kinh ở trong mình thì tất cả sự mê vọng của mình giận sẽ biến đi... Sự thực hiện ấy chỉ có thể đạt được khi nào tự bên trong lòng mỗi người nảy nở một sự tinh khiết của lòng quả quyết và sự nhiệt thành của tinh thần “ Katha. Up II,12,23,24.

2/ An tịnh tâm trí cho khỏi lôi cuốn vào những hoạt động phân tán của tư tưởng và giác quan, do đó có thể an trụ ý thức vào tuyệt đối. Katha Up, viết :

<sup>61</sup> Lịch sử Triết Học Đông Phương II tr.96

<sup>62</sup> Theo nhà Triết Học An trú danh Cankara, thế kỷ VIII sau công nguyên đã viết (khi Bình luận Mandukya Upanisad) : “ Ở điều kiện mộng, tất cả xúc tiếp với ngoại giới tạm cắt đứt bấy giờ không nhờ đến trợ lực ngoại lai, tinh thần tạo ra một vũ trụ ấy gồm một chủ thể tri giác, các (tiếp trang 41) vật đối tượng bị tri giác và những liên hệ giữa chủ và khách, nhưng ở trong đời thức cũng chẳng có chi khác cả ở giữa hai điều kiện. Do đấy mà vũ trụ chúng ta nhìn thấy chỉ là đối tượng hóa của tinh thần “(Dẫn theo Lịch Sử Triết Học Đông Phương Nguyễn Đăng Thục) Viveka Cudamaini 570 in lần I tr.99

“Hành trình của đời người có thể thành tựu viên mãn và thiên đường của VISHNU chỉ được chừng nào người ta chú ý kiểm soát cách quan năng. Thân thể ví như cái xe mà giác quan đóng vào đấy như con ngựa. Tinh thần là dây cương để cho người đánh xe là sự hiểu biết cầm cương ngựa. Điều khiển các giác quan. Linh hồn cỡi trên xe, và đường đi là thế giới sự vật trong đó quan năng hoạt động. Nếu dây cương không giữ được vững và không khéo thì giác quan như những con ngựa bất kham sẽ không để cho kiểm soát và cái xe sẽ không đạt tới đích, nó chạy vòng quanh trong vòng sanh tử luân hồi. Nếu người ta khôn ngoan và làm chủ được tinh thần, giác quan của y sẽ như những con ngựa bất kham hay trong tay người đánh xe tài nghệ. “Katha. Up,3,4.5,9

Katha Up viết tiếp :

“Cái tâm tự tại đi từ bên trong đi ra và nhờ thế những cửa ngõ của tinh thần đều hướng ra bên ngoài qua cơ quan cảm giác. Vậy nên tư tưởng của nhân loại luôn luôn khuynh hướng đi ra. Nhưng một thiểu số có được chân tri là đem tinh thần quay trở vào và thực hiện cái Bản ngã bên trong “ (Katha Up. (4),1.2)

3. Đồng nhất với thực tại tối hậu : Sau khi thanh lọc thân tâm khỏi các dục vọng và tập trung tinh thần, làm chủ các quan năng người Ba La Môn tiến tới thực hiện Bản Ngã. Thực hiện Bản Ngã không phải là quán sát hay hiểu biết Bản Ngã bằng tri thức nghiên cứu hay bằng tư duy mà là Sống An Lạc, đang là Tự thể Atman.

Up viết : “ Không phải học nhiều mà người ta đạt được Atman, không phải bằng tài năng và tri thức sách vở (Brh.4,21) mà chính là bằng trạng thái đồng nhất trong cái Lạc của sự hòa hợp chủ thể khách thể, nên Taitt Up. cũng viết : “Những kẻ nào đã biết cái ấy bằng vui thích về cái ấy thì hoàn toàn giải thoát, hết lo âu “ (2,4,1)

Vui thích đây là cái thú “lạc đạo”, chỉ có những tâm hồn siêu thoát như thi hào Tagore mới cảm nhận được qua lời mô tả sau đây của ông :

“ cái Ay (thực thể tối cao) có thể biết rằng lạc thú, bằng tình yêu. Bởi vì lạc thú là ột sự hiểu biết viên mãn và đấy là hiểu biết với tất cả tâm hồn chúng ta. Trí thức phân tách chúng ta với sự vật để biết, nhưng tình yêu biết vật đối tượng của nó bằng cách hòa làm một. Một sự hiểu biết như thế thì trực tiếp và không còn chỗ để nghi hoặc. Chính như chúng ta tự hiểu biết chúng ta, mà còn hơn thế nữa (Sadhana. Bản dịch của Jean Herbert, tr.11 Dẫn theo Nguyễn Đăng Thục)

Tóm lại Đạo pháp giải thoát của Bà La Môn là thân tâm tinh khiết. Tinh thần tập trung làm chủ quan năng, nội hướng, đạt đến viên giác tâm linh và sau cùng trở nên nhất thể trong tự ngã.

Pháp môn này so với Đạo Đế của Đức Phật không có gì khác biệt.

Chúng ta đã biết Đạo của Phật là Đạo diệt khổ. Phật không nói đến Tiểu Ngã và Đại Ngã mà đã thân chứng tâm chứng đạo Diệt Khổ ấy bằng Giác. Bậc Giác = Buddha = Phật.

Phật nói : “ Này các thầy Aamôn, các Thầy đừng gọi Như Lai (Tathagata) bằng tập đừng kêu Như Lai là bạn. Ta là La Hán (Arahat) một NHƯ LAI toàn giác” (Samyutta V.420) Dẫn theo Nguyễn Đăng Thực.)

Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, “ Như Lai là nương theo cái thật tánh của Chơn Như mà đến, mà thành chính giác, thành Đạo.

...Kinh Kim Cang có nói rằng : Đức Phật vốn không do đâu lại, mà cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai. Người ta cũng gọi Như Lai là thường trụ, vô biên thân. Đức Như Lai có mười cái sức về trí.

... Như Lai là bậc mà Thân, Tâm và Trí Huệ bủa khắp vô lượng, vô số thế giới, không hề bị chướng ngại. Như vậy, Như Lai tức là Hư Không.

... Như Lai là thường trụ, chẳng hề biến đổi. Như vậy, Như Lai tức là Thật Tướng”.

Xem định nghĩa “ Như Lai” như thế thì ta đã thấy rõ rằng cứu cánh của Đạo Để là Chánh giác. Đã trở nên “chánh giác” thì trở thành đồng nhất với Thực tại vũ trụ.

Bởi vậy nói đến Đạo pháp của Phật thì phải lập căn bản trên quá trình GIỚI – ĐỊNH – HUỆ . Quá trình này vừa thực hiện minh triết vừa sống trở lại với thực tại tự thân cho đến khi minh triết thành Đại Giác thì Tự Thân cũng thành Như Lai. Như Lai Đại giác là Phật.

### 1. Giới : Bao gồm chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh

- Giới không phải chỉ là những luật lệ ngăn cấm. Giữ giới không phải vì quan niệm tội phước mà để thực hiện một cuộc sống đích thực. Giới có thể so sánh với Karma Yoga là con đường giải thoát bằng hành động vô cầu và lợi tha. Hành động của giai đoạn Giới là một cuộc “thắp sáng hiện hữu” như lời một thiền gia,<sup>63</sup> tức là sống có ý thức trong mỗi lời nói mỗi việc làm.

Theo quyển “Tam tạng pháp số” Giới độ (giới Ba La Mật) có ba thứ :

- Nhiếp luật nghi giới : Trì giới luật do Phật ban hành, có đủ các oai nghi.

---

<sup>63</sup> Nhất Hạnh, Nẻo vào Thiền Đạo

- Nhiếp thiện pháp giới: thân khẩu, ý lúc nào cũng làm điều lành, giữ gìn điều lành. Cần hiểu biết các thiện pháp, các môn học thế gian và xuất thế gian.
- Nhiều ích hữu tình giới : Đem lòng từ bi hỉ xả mà đối với chúng sanh, giúp cho họ vui sướng, lợi ích, trừ cho họ các nạn, khó giữ lòng bình đẳng làm sự lợi ích.

Ba thứ giới ấy nếu giữ trọn, kêu là Thị độ tam hạnh, tức là Bồ tát giới vậy.<sup>64</sup>

Vậy giới đem lại một cuộc sống phản tỉnh, không phiêu lãng vong thân, có giá trị của một thực hữu, qui hướng về sự chủ động có định lực.

2. Định : bao gồm : chính niệm, chính tư duy, chính tinh tấn, chính định.

Ta đã thấy Giới đối ứng với đời sống tức là đối ứng với NGHIỆP. Còn Định sẽ đối ứng với chuyển biến nội tâm tức là đối ứng với NIỆM. Chính niệm trước hết là quyết tâm phủ định những cái giả hợp và quán tưởng nghĩa lý của chánh pháp. Ví dụ như Tứ niệm xứ : Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Hay như Quán Tứ Diệu Đế để học đạo giải thoát. Nhưng trước khi phát huệ để dung thông chư pháp thì quá trình Định bao gồm cả chánh tư duy và chánh tinh tấn tạo nên một hiệu lực Nhất niệm tức là sự chuyên nhất của Tâm. Giáo Hạnh Tín Chúng dạy rằng : “Nhất niệm vân già, tín tâm vô nhị, cố viết nhất niệm, thị danh vi nhất tâm”.

(Kêu là nhất niệm, đó là lòng tin không hai, cho nên nói rằng Nhất niệm. Ay Kêu là Nhất Tâm)<sup>65</sup>. Bởi Nhất niệm nhất tâm như thế nên phát khởi một định lực<sup>66</sup> tức là ý chí tinh tấn thực hành chánh pháp. Do đó sức mạnh tâm linh được tập trung và phát triển.

Như muốn đạt đến tuyệt đích của Định thì phải Vô niệm. Người xưa có câu :

Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện  
Lục căn tái động bị vân già.

Dịch :

Một niệm chưa sinh toàn thể hiện,  
Lục căn vừa động bị mây che.  
(Trương chuyết Tú Tài, Tính mệnh khuê chỉ, tr.5a, q.Hạnh)

<sup>64</sup> Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn, Chủ giới Ba La Mật

<sup>65</sup> Phật Học Từ Điển Đoàn Trung Còn, chữ Nhất Niệm

<sup>66</sup> Chữ dùng của Nhất Hạnh. Nẻo vào Thiền Học

Một niệm chưa sanh, theo Thiền sư Suzuki “là sự vận dụng vô ý thức của tâm, nhưng đừng hiểu nghĩa vô ý thức ấy theo khoa tâm lý học thường, mà phải đặt nó vào phạm vi tâm linh, trong trạng thái ấy tất cả tàn tích của suy luận và phân tách đều tiêu tan hết. Đó là mặt trái của ý thức và vô thức”<sup>67</sup>

Cho nên chánh định là vô niệm nhưng bao hàm một nội dung viên giác chứ không phải là một cái tâm trống rỗng, được Robert Linssen diễn tả rất thiết thực như sau :

“Chánh định cốt là một thái độ quan sát không trí thức những thực kiện cụ thể thể hiện mắt đời sống hằng ngày. Nó là một quá trình tiếp cận, mà tính cách thực tế liên hệ đến tinh thần cũng như đến vật chất”<sup>68</sup>

3. Huệ Chúng ta đã gọi chánh định là vô niệm nhưng bao hàm một nội dung viên giác. Viên giác ấy chính là Huệ và hiệu lực của Huệ tức là chánh kiến.

Pháp Bảo Đàn Kinh có viết : “Chư thiện tri thức, cái tâm lượng thiết là rộng lớn, châu biến cả thủy pháp giới, dùng nó liền hiểu rõ ràng (tới chỗ cùng lý tận tánh). Cái tâm lượng khi ứng dụng ra, thì biết hết cả thủy sự vật. Cả thủy tức qui về Một, một tức gồm hết cả thủy, tới lui thông thả, tâm thể suốt thông không ngừng trể, tức là Bát Nhã (Trí huệ) vậy.”<sup>69</sup>

Do đó Trí huệ hay Bát Nhã (Prajna) là cái ứng dụng của tâm đã ĐỊNH – Chính Trí Huệ này Lục Tổ Huệ Năng dạy hành giả dùng để Kiến Tánh. Khi Ngài được Y Bát của Ngũ Tổ rồi ra đi, Huệ Minh chạy theo cầu Ngài nói pháp. Ngài nói :

“Ông...vì pháp mà đến đây, thì khá dứt hết trần duyên, chớ sanh một niệm tưởng. Tôi sẽ nói rõ Phật Pháp cho ông nghe”.

Lẳng lặng hồi lâu, Đức Huệ Năng nói : “Chẳng nghĩ việc lành, không nghĩ điều dữ, Chánh trong thời gian đó. Cái Ấy, tức là tò thấy cái Bản Lai Diện Mục của bực Thượng tọa vậy”.<sup>70</sup>

Vậy ngay trong lời thuyết pháp đầu tiên của Lục Tổ ta đã thấy phép tu Trí Huệ có bí quyết là tâm không và tri kiến nhất nguyên.

<sup>67</sup> D.J. Suzuki. Trúc Thiên dịch CỐT TỦY ĐẠO PHẬT tr.22

<sup>68</sup> Dẫn theo lịch sử Triết học Đông Phương II Nguyễn Đăng Thục, tr.178

<sup>69</sup> Pháp Bửu Đàn Kinh, Phật Bửu Tự, 1969, tr.38

<sup>70</sup> Sđd, tr.30

Tâm không trụ vào đâu như Kinh Kim Cương viết : “Bồ Tát ứng ly nhất thiết tướng, phát A lốc đa là tam miếu tam Bồ Đề Tâm, bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm. Ứng sinh vô sở trụ tâm”

Dịch : Bồ Tát nên lìa hết thấy ý tướng, phát triển cái tâm siêu thức “ A lốc Đa là tam miếu tam bồ đề “ không nên chấp trụ vào hình sắc mà sinh ra tâm. Không nên chấp trụ vào thanh hương vị xúc pháp mà sinh ra tâm, nên sinh ra cái tâm không chấp trụ vào đâu “

Sau đó phải kiên trì tu hạnh Bát Nhã, thường hành chánh niệm, chánh kiến mới đáo bỉ ngạn, giải thoát (ba la mật đa). Pháp bảo Đàn Kinh viết : “Chư thiện tri thức, tâm mình trong ngoài chẳng trụ, lui tới tự do, bỏ đặt lòng chấp trước, suốt thông không trở ngại tu trong các hạnh ấy, thì đối kinh Bát Nhã vốn không có chỗ nào sai khác”<sup>71</sup> Kinh Bát Nhã viết : “Hành thâm bát nhã Ba La Mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không đệ nhất thiết khó ách”.

Nhờ thế trí huệ Bát Nhã là một chánh kiến chứ không phải biện kiến. Nó vốn dựa vào không tướng làm thể, không niệm làm tông, không trụ làm gốc<sup>72</sup>. Bát Nhã là một thực chứng bằng cả sinh mệnh mình, không phải là “Tri” mà là “kiến”, là tự thấy và các vật như thế nào thì thấy thế ấy chứ không vì “niệm” mà thấy ảo ảnh, không vì “trụ” mà thấy thiên lệch, không vì chấp hữu mà có hữu kiến, cũng không vì chấp không mà theo vô kiến”<sup>73</sup>

Đó là cái “kiến” chỉ thực hiện được với những điều kiện mà Đại sư Suzuki diễn tả theo ngôn từ hiện đại như sau : “Phải có một sức tưởng tượng sâu sắc, phải có một ý chí mạnh mẽ cương nghị, phải có một duệ trí bén nhạy về một ý chí mạnh mẽ cương nghị, phải có một thị kiến hiện thực về bản tánh con người và cuối cùng phải có một thị kiến hiện thực về chân lý tổng hợp trong toàn thể sinh mệnh của chính con người”<sup>74</sup>

Ong Suzuki cho cái KIẾN của bát Nhã là một “Kinh nghiệm ngộ” không thể có với trí năng hay hiểu biết kinh điển nếu không “hành thâm” cái hạnh Bát Nhã. Ông nói : “Các Phật Tử thường nói rằng nhất thiết pháp vô ngã (anatta hay anatmya) nhưng họ quên rằng không thể nào thực sự hiểu được cái vô ngã của các pháp trừ phi chúng được nhìn với con mắt của trực giác Bát Nhã.

<sup>71</sup> Sđd, tr.42

<sup>72</sup> Sđd, tr.73

<sup>73</sup> Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn: Nhị kiến: là cái ý kiến tà, thiện và có, của những kẻ còn mê muội trong cuộc tài sắc danh lợi. Về kiến là cái ý kiến tà thiên về không của. Những người mới vào cửa đạo, còn địa vị tiểu thừa.

<sup>74</sup> Huyền Học Đạo Phật và Thiên Chúa, tr.59, 66,67

Kinh Thi – Như Hạnh dịch 1974

... Ngày nào mà con mắt phân tích trí thức của chúng ta còn hăng hái theo đuổi chiếc bóng của Thực tại bằng cách lường phân nó, ngày ấy hẳn không có sự tịch nhiên tĩnh lặng của sự đồng nhất hóa tuyệt đối ở đó Bát Nhã thấy nó phản ánh trong chính nó.

Do đó cái kinh nghiệm ngộ có nghĩa là mọi vượt qua thế giới của tâm lý học, là sự khai mở con mắt bát nhã, và nhìn vào cõi vực của thực tại Cứu Cánh, và qua đến bên kia của dòng luân hồi (Samsara) nơi tất cả các pháp được nhìn từ trong trạng thái như thị của chúng, trong thanh tịnh. Đó là khi một người thấy tâm mình thoát khỏi tất cả, không còn bị lúng túng bởi những khái niệm sanh tử, vô thường...”<sup>75</sup>

“ Kinh nghiệm ngộ “ mà Suzuki diễn tả trên đây chính là công trình “Tự tri giả minh” của Lão Tử. Đạo Đức Kinh, Ch.83 viết :

1. Tri nhân giả trí. Tự tri giả minh.  
Thăng nhân giả hữu lực, tự thăng giả cường.

2. Tri túc giả phú, cường hành giả hữu chí  
Bất thất kỳ sử giả cứu  
Tử nhi bất vong giả thọ.

Nghĩa là :

1. Biết người là Khôn, biết mình là sáng  
Thăng người là kẻ có sức, tự thăng là kẻ mạnh.

2. Biết tri túc là giàu, cố gắng là người có chí.  
Không đánh mất điểm tựa sẽ vững bền

Chết mà không hết, thế là thọ.

(Bản dịch Nguyễn Văn Thọ)

Trước hết ta thấy câu “Tự tri giả minh” rất quan trọng.

---

<sup>75</sup> Huyền Học Đạo Phật và Thiên Chúa tr.59, 66,67

“Tự tri “ đối với “tri nhân” để chỉ con đường hướng nội đối với con đường hướng ngoại mà hiệu quả của nó là “minh” siêu việt hơn “trí”. Siêu việt hơn vì chỗ tuyệt đích của “Tự tri “ là “tri thường”. Đạo Đức Kinh chương 16 viết :

Phục mạng viết thường

Tri thường viết minh.

Nên “Tự tri” tức “Tri thường” tức là hồi phục cái sống đích thực của mình, cái sống trường cửu (thường) làm nguồn gốc sinh mệnh mình, tức là “qui căn” vậy. Cái “Minh” của “Tự tri” giống như “Turiya” của Chân ngã Atman. Và cái Kiến tánh của Bồ Tát mà Pháp Bảo Đàn Kinh gọi là “Chơn tánh tự dụng”<sup>76</sup>

Có thể giá trị của tự tri mới đưa đến kết luận “

Bất thất kỳ sở giả cửu

Tử nhi bất vong giả thọ.

“Bất thất kỳ sở” là không mất chỗ dựa nương. Chỗ dựa nương này không thể là những gì phù phiếm không phải là vật chất để đeo đuổi, là tình cảm thương ghét hay trí năng so đo mà là “thiện hơn chi bửu, bất thiện hơn chi sở bảo’ Đạo Đức Kinh chương 62, tức là “Mạng” là “Căn”. “Mạng” , “Căn” trường cửu không phải là cái nhục thân cái phàm tâm bất tử. Nhưng chính những cái ấy sẽ chết đi mà vẫn còn mãi “chỗ dựa nương” của kẻ “Tự tri”. Đó là trạng thái “Thần hóa” mà Trang Tử diễn tả rằng :

“Lòng như tro nguội!

Xác như xương khô !

Biết là thực biết !

Chẳng cần duyên cớ thăm dò !

Mờ mờ mịt mịt

Người ấy là người mà ! “

---

<sup>76</sup> Pháp Bửu Đàn Kinh Bát Nhã (Trí Huệ), tr.37

Trên đây là đường lối và cứu cánh, còn bí quyết thực hành của Lão Trang chính là TỊNH.

### 1. Giai đoạn khởi đầu của Tịnh là phép trị thân.

Trong quá trình tu luyện, Lão Trang cho rằng trước hết phải chế ngự bản thân, kèm chế các giác quan khỏi bị ngoại cảnh cám dỗ. Giai đoạn này Lão Tử gọi là Bảo phác, Phản phác. Trang Tử gọi là : Trị thân.

- Bảo phác hay Phản phác là quay trở lại giữ gìn Bản tính tình thuần mộc mạc và từ bỏ những gì làm mất mỗi thể xác, rối loạn tâm hồn. Đạo Đức Kinh, Ch.12, Lão Tử viết:

Ngũ sắc lịnh nhân mục sanh  
 Ngũ âm lịnh nhân nhĩ lung  
 Ngũ vị lịnh nhân khẩu sáng  
 Trì sính điền kiếp. Lịnh nhân tâm phát cường  
 Nan đắc chi hóa  
 Lịnh nhân hành phương  
 Thị dĩ Thánh nhân vị phúc bất vị mục.  
 Cố khứ bì thủ thủ.

Dịch nghĩa :

Năm màu khiến người mù mắt  
 Năm giọng khiến người điếc tai  
 Năm mùi khiến người tê lưỡi  
 Rong ruối sẵn bản khiến người hóa cuồng  
 Của cải khó được khiến người bị tai hại  
 Bởi vậy Thánh Nhân vì bụng không vì mắt  
 Nên bỏ cái kia lấy cái này.

“Vì bụng không vì mắt” là phương châm “bát dục dĩ tịnh” (không ham muốn để được yên tĩnh) Đạo Đức Kinh, Ch.37 của Giai đoạn Phản phúc vậy.

Đến phiên Trang Tử thì ông gọi đó là phép trị thân. Trong Thiê Tại hựu Nam Hoa Kinh, Ông viết :  
 “ Hoàng Đế thừa cùng Quảng Thành Tử : “Tôi nghe rằng Ngài đã đạt tới chí đạo. Dám hỏi về phép trị thân, làm sao có thể trường cửu ?

“ Quảng Thành Tử vùng dậy mà nói : “ Câu hỏi rất hay...Người đừng nghe đừng nhìn.Lấy tình lặng ôm ấp cái thần, thời hình hài nhiên hậu sẽ hẫ hoi. Hãy tĩnh, hãy thanh đừng một cái hình, đừng động cái tình. Như vậy thời có thể trường sinh”.

“ Vô lao nhữ hình, vô đao nhữ tình” là bước đầu rất quan trọng của Đạo gia trong quá trình “ bảo tình, dưỡng khí, tồn thần” để đắc Đạo trở thành Chân Nhân, Thánh nhân. Bởi vì “ Khí”, “Tâm” và “Thần” vẫn có ảnh hưởng lẫn nhau để tạo thể quân bình tĩnh lặng cho con người. Nơi chương Canh Tang sở Nam Hoa Kinh, Trang Tử viết : “ Muốn được tĩnh lặng, hãy giữ cho khí bình. Muốn có thần, hãy giữ cho tâm thuận. Muốn làm cho phải, thì chỉ khi cần thiết bất đắc dĩ mới làm. Chí bác dĩ mới chịu làm, chịu bỏ trạng thái tĩnh lặng tâm thần, đó là đường lối Thánh Nhân vậy”.<sup>77</sup>

## 2. Giai đoạn tịnh thứ hai là Tâm trai hay là Hư tâm.

Đã làm chủ được ngũ quan, bảo tồn được thần khí, Đạo gia đi đến giai đoạn Hư Tâm. Hư Tâm là vượt lên tri thức thông thường, không dựa vào hình tướng, vào đối tượng hay suy luận phân biệt nữa. Đó là cái viên giác mà Phật gia sẽ đạt được khi “ Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” (Kim Cang Kinh) và là chỗ mà Lão Tử gọi là “ Trí hư cực thủ tịnh cốc” (Hư Không cùng cực, hết sức yên tĩnh. Đạo Đức Kinh, Ch.16)

Tâm pháp của giai đoạn này được Trang Tử diễn tả như sau :

Nhan Hồi hỏi : Dám hỏi chay tịnh của lòng là thế nào ?

Trọng Ni đáp : Hãy chuyên nhất chí mi, không nghe bằng tai (giác quan) mà nghe bằng lòng (trí thức). Không nghe bằng lòng mà nghe bằng khí (thần thức). Nghe đừng ở tai, lòng đừng ở chỗ hợp. Khí là cái hư không mà dội vật. Chỉ có Đạo là hợp được với Hư Không. Hư Không là phép chay tịnh của lòng” (Tâm trai) Nam Hoa Kinh. Tâm Trai (bản dịch Nguyễn Đăng Thục)

<sup>77</sup> Dục tĩnh, tắc, bình khí, dục thần tắc thuận tâm. Hữu vi dữ dục đáng, tắc duyên ư bất đắc dĩ, bất đắc dĩ chi loại, Thánh nhân chi đạo (Nam Hoa Kinh, Canh Tang Sở)

Liệt Tử, qua Xung Hư Chân Kinh cũng dạy phép hư tâm như thế :

“ Người nào đã được hoàn thiện như Đạo thì không dùng với tai, cũng không dùng bởi mắt, cũng không dùng tới sức mạnh, cũng không dùng tới tâm : Còn người nào dùng mắt, tai, sức mạnh, tâm mà muốn được như đạo, thì không phải cách “ (Liệt Tử, bản dịch Nguyễn Hiến Lê, tr.144)

Chính vì có thể không dùng tới tâm, Lão Tử mới khác đời (dị tục) <sup>78</sup> mà hơn đời, khác đời vì :

Người đời sáng chói  
 Riêng ta mịt mù  
 (Chúng nhân chiêu chiêu)  
 Ngã độc hôn hôn)

Vì :

Người đời đều có chỗ dùng  
 Riêng ta ngu xuẩn thô kệch  
 (Chúng nhân giai hữu dĩ nhi ngã ngoan thả bi)

Hơn đời vì :

Vắng lặng như biển khơi  
 Vi vu như gió thổi  
 ( Đạo hễ kỳ nhược hải  
 Liêu hễ nhược vô chỉ)

---

<sup>78</sup> Dị tục là tên chương 20 Đạo Đức Kinh (theo Hà Thượng Công)

Nghĩa là có vô thê lâu chất phác nhưng tâm thần hờ thanh tỉnh mà tràn đầy như biển cả, nhờ phóng khoáng mà lan tỏa như không ngừng.

Tóm lại, ở giai đoạn Hư Tâm, hành giả không còn tự ràng buộc vào tri kiến ngoại giới hay tư duy nội giới mà “dụng kỳ quang, dục kỳ minh” (dùng ánh sáng của Đạo để quay về sự quang minh của Đạo. Đạo Đức Kinh, Ch.52). Đến đó là có được cái biết thâm sâu, về Đạo tế vi và cái biết bao trùm cả thiên hạ Lão Tử gọi thể là “Kiến tiểu viết minh” (Đạo Đức Kinh, Ch.52). Là Bất xuất hộ tri thiên hạ, bất khuy duy kiến thiên Đạo” (Không ra khỏi nhà mà biết cả thiên hạ, không ra khỏi cửa mà biết Đạo Trời).

3. Giai đoạn sau cùng là giai đoạn Phối Thiên tức là huyền đồng với Trời Đất; sau khi “Phục kỳ minh” Đạo gia đã chuyển biến từ tầm thức vũ trụ sang cái sống vũ trụ, nghĩa là không còn có nghĩa và vũ trụ mà chỉ còn là một cái sống của “Đại khối “Như lời nói của Trang Tử qua câu chuyện sau đây trong Nam Hoa Kinh :

Nhan Hồi hỏi Khổng Tử : Trời người hợp nhất nghĩa là gì ?

Khổng Tử đáp : Người là Trời (vì là một phần của Đại Khối; Trời cũng là Trời (vì là Đại khối). Cái làm cho Người mất Trời chính là cá tính của mỗi người (vì thế nên) Thánh Nhân an nhiên để hòa hóa với Đại Thể.

Cho nên khi Khiết Khuyết hỏi Bị Y về Đạo, Bị Y bảo :

“ Hãy giữ thân hình cho ngay ngắn

Hãy tập trung tinh thần mà nhìn vào Duy Nhất

Trời sẽ hòa điệu với Bạn

Hãy thu nhiếp trí lữ, hãy hợp nhất với tuyệt đối

Thần sẽ giáng trong lòng bạn

Đức sẽ trở nên vẻ đẹp của bạn

Đạo sẽ là nhà của bạn....

Bạn hãy hồn nhiên, ngây thơ như con nghé mới sinh

Đừng tìm duyên có mà chi...”<sup>79</sup>

Vậy có thể nói cái bí quyết siêu màu của Lão Trang là “quí thực màu” nghĩa là không lìa xa Mẹ thực của vũ trụ, tức là Bản Thể của Trời Đất. Ngược lại không bám víu vào hình tướng vạn hữu tức là con cái nhánh nhóc. Nhưng phải trực nhận mối tương quan trong đồng nhất tính của Mẫu Tử để “Qui nguyên” trường cửu trong lòng Mẹ, như Lão Tử viết trong chương 52 Đạo Đức Kinh :

Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu

Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử

Ký tri kỳ tử phục thủ kỳ mẫu

Một thân bất đãi.

Bản dịch Nguyễn Văn Thọ.

Trần gian có gốc có nguồn

Gốc nguồn ấy chính Mẹ muôn vạn loài.

Một khi đã biết Mẹ rồi

Suy ra con cháu khúc nôi khó gì

Biết con phải biết nghịch suy

Suy ra con mẹ, ta đi ngược dòng

Thế là chẳng sống uống công

Chết đi mà vẫn sống cùng nước non.

Tổng Long Uyên Bình Đạo Đức Kinh có viết : “ Các bậc tu hành đời xưa, thường áp dụng lễ “Mẹ con cùng ở một chỗ” mà tu trì chẳng dám hỏi. Vì thế cho nên Thần Khí được an hòa, thủy hỏa mới “Ký tế” , thực hiện được điều kỳ diệu “cửu hoàn thất phản”, và hiểu được lễ “ Qui nguyên phục mệnh”.

---

<sup>79</sup> Khiết khuyết vấn đạo hồ Bị Y. Bị Y viết : Nhược chính nữ hình, nhất nữ thị. Thiên hòa tương chí. Nhiếp ngữ tri nhất nữ đệ. Thần tượng lai xá, Đức Tương vi như mỹ Đạo tương vi nữ cư. Nam Hoa Kinh. Sơn Mộc)

“ Áp dụng lễ ấy vào thân, thân sẽ tu, áp dụng lễ ấy vào nhà, nhà sẽ tề, áp dụng vào nước, nước sẽ trị, áp dụng vào thiên hạ sẽ bình. Nếu bỏ thực bắt vọng, mê lú không biết bản tông, như con lạc mẹ, thì lễ nào mà không nguy khốn”.<sup>80</sup>

Chính Nho giáo dạy Đạo tri hành lễ “Tử Mẫu đồng cư” ấy trong suốt đời người để từ phạm phu trở nên quân tử Thánh Hiền. Câu “ Đạo đã giả bất khả tu du lý dã” của sách Trung Dung là tâm pháp nhật dụng của Nho gia.

Để cho không một phút giây nào rời Đạo, lại khuếch sung được Đạo nơi mình mà trở nên hoàn thiện, để “Tự thành” ta phải luôn luôn :

- a. Tỉnh sát để “khử nhờn đục, tồn thiên lý” Nghĩa là phải ghi tâm khắc cốt về lễ Đạo, phải cảnh tỉnh kiểm điểm thân tâm mình để tôn kính thiên mệnh thiên tính ẩn vi trong tâm hồn mình nhất là đối với tư tưởng hay hành động chỉ có một mình mình biết một mình mình hay. Nên Trung Dung chương I viết :

Thị cố quân tử giới thân hồ kỳ sở bất đồ

Khủng cụ hồ kỳ sở bất văn

Mạc hiện hồ ẩn

Mạc hiện hồ vi

Cố quân tử thận kỳ độc dã.

Dịch : Cho nên người quân tử giữ gìn đối với chỗ không thấy. Kính sợ chỗ không nghe, chỗ ẩn vi chưa hiển hiện. Vậy người quân tử nên cẩn thận khi vắng vẻ một mình.

Có thể nói muốn tu tâm dưỡng tánh trước hết người quân tử phải hiệu chỉnh con người mình cho thuận thiên ý bằng cách “khắc kỷ phục lễ” (Luận ngữ (XII, I viết : “Khắc kỷ phục lễ, phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động”

---

<sup>80</sup> Xem lại Đạo Đức Kinh BS. Nguyễn Văn Thọ

- b. “Khắc kỷ phục lễ được rồi người quân tử phải miệt mài tu học rèn luyện mãi cho đến khi hoàn thiện mới thôi. Đó là chấp hành đường lối Đại Học : Đại Học chi Đạo...Tại chi ư chí thiện” kẻ sĩ đã chọn lấy con đường thiện thì phải “học cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cẩn thận, phân biện cho sáng tỏ, làm cho hết sức” (Thành chi giả trạch thiện nhi cố chấp chi giả dã. Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, Dốc hành chi...) Trung Dung Ch XX.

Có thể mới “ cách vật trí tri” mới thấu đáo cùng tột cái lý của vạn vật. Nắm được cái lý cùng tột ấy rồi học giả sẽ tri thủ lý ấy, tức là TRI CHỈ cho đến khi đắc Đạo. Sách Đại Học viết :

Tri chỉ, nhi hậu hữu định

Định, nhi hậu năng tĩnh

Tĩnh, nhi hậu năng an

An, nhi hậu năng lự

Lự, nhi hậu năng đắc.

Định, tĩnh, an, lự, đắc là quá trình “Nhơn dục tịnh tận thiên lý lưu hành” của người hành đạo chuyên nhất. Có thể nói đó là quá trình “thành chi” của người quân tử như câu : “Thành giả thiên chi đạo dã, thành chi giả nhơn chi đạo giả “ (Trung Dung) (Hoàn thiện là đạo của Trời, tiến đến hoàn thiện là Đạo của người) hay là :

Duy tinh duy nhất

Doãn chấp quyết trung

(Tĩnh rỗng chuyên nhất ngày đêm

Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời)

(Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15)

- c. “Tĩnh nhất chấp trung “ được rồi mới trở nên bậc Chí Thành, có chí thành mới thực hành được tứ tuyệt của Đức Khổng.

- Vô ý : Không còn tình ý riêng tư
- Vô tất : không còn bị hoàn cảnh gò bó
- Vô cố : Không cố chấp mà cởi mở khoan quảng hòa đồng

- Vô ngã : Không còn cái tiểu ngã, cái mình nhỏ nhoi ti tiện”  
(Luận ngữ, IX,4)

Được thế mới “tận tính”, “suất tính” tức là thấu đáo được Tính, theo được Tính. Mạnh Tử có viết : “Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính”. Trung Dung lại viết : “Thiên mệnh chi vị Tính, suất Tính chi vị Đạo”. Vậy là người quân tử đã thực hành được Thiên Đạo hay Đạo TRUNG DUNG như câu :

“ Thị cổ quân tử tồn đức tính, nhi Đạo văn học, trí quảng đại nhi tận tinh vi, cực cao minh, nhi Đạo TRUNG DUNG “ (Trung Dung, ch.27) (Người quân tử tồn quý cái Tính, học hỏi cái Đạo, trí hiểu biết mở mang thông suốt tận chỗ tinh vi, tột bậc sáng láng, đó là Đạo Trung Dung). Đó là sở đắc của Trung Dung còn sở dụng của nó là Trung Hòa như chương I, Trung Dung viết :

Hĩ, nộ, ai, lạc chi vị phát, vị chi Trung

Phát chi giai trúng tiết, vị chi Hòa

Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dạ

Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã

Trí trung Hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên

Bản dịch của Nguyễn Văn Thọ :

Khi chưa phát vui, thương, mừng, giận,

Gọi là Trung vì chẳng ngã nghiêng,

Phát ra đúng tiết hợp duyên,

Ay là hòa tấu âm êm nhạc Trời.

Trung ấy chính muôn đời căn bản,

Hòa kia là đạo quán thiên thu

Ước gì đạt thể Trung Hòa,

Am êm trời đất nhơn nhơ muôn loài.

Tóm lại, tâm pháp của Nho giáo dạy ta lần lượt thực hiện :

- Thận kỳ độc, để tu tỉnh
- Tinh nhất chấp trung để suất tính
- Trí Trung Hòa để đạt Thiên Đạo Trung Dung

Mà thành quả của tâm pháp ấy là :

Bác hậu phối địa

Cao minh phối thiên

Du cửu vô cương

Bất hiện nhi chương

Bất động nhi biến

Vô vi nhi thành (Trung Dung, XXVI)

Tức là quán thông vạn vật, hiệp nhất với Trời, lưu hành không bờ bến, không trưng bày mà sáng tỏ, không thấy động tĩnh mà biến hóa, không thấy làm mà thành công.

Vậy con người đứng giữa Trời, đất là một trong Tam Tài. Mà muốn có đúng giá trị của một Tài, con người không thể thu mình đơn độc trong cái vỏ ốc bản năng. Ngược lại phải có một cuộc sống trải rộng giữa thế gian và một tinh thần cao sáng tận cõi trời. Con người chính danh là một thần nhân hay ít nhất phải đang cố gắng trở nên một thần nhân.

Trong Ky Tô giáo, Thánh Paul nhận định rất rõ giá trị của con người, để khải ngộ cho chúng ta rằng : “ Như chúng ta đã mang lấy hình ảnh phàm nhân, chúng ta cũng phải mặc lấy hình ảnh thần nhân”<sup>81</sup>. Nhưng cuộc chuyển hóa từ phàm nhân thành thần nhân là cả một chuỗi thời gian câu mang sinh

---

<sup>81</sup> Corinthiens I.15,49 : Just as we have borne the image of the man of dust, we shall (let us) also bear the image of the man of heaven

nở rất đớn đau<sup>82</sup> mà con người phải trải qua lần lượt tt bỏ tư hữu, ăn năn đến thực hành lề luật Thiên Chúa.

a. Thật vậy, trước tiên con người phải có can đảm dứt bỏ vật dục nếu muốn chọn con đường Thánh thiện. Trong Thánh Kinh Mathiơ 19,16 có câu chuyện chứng minh điều đó :

“ Kìa, có một người đến hỏi Ngài rằng : Thưa Thầy tôi phải làm việc lành chi để được sự sống đời ?” Jésus đáp rằng : “Nếu người muốn vào sự sống thì hãy giữ các điều răn”. Người hỏi “ Điều răn nào ? Jésus đáp rằng : “Chớ giết người, chớ gian dân, chớ trộm cắp, chớ làm chứng dối, hãy hiếu kính cha mẹ, và hãy lễ lân cận như mình”. Gã trai trẻ đó thưa rằng : “Mọi điều đó tôi đã giữ rồi, còn thiếu chi nữa ?” Jésus phán rằng : Nếu người muốn được trọn vẹn<sup>83</sup> hãy đi bán hết của cải người mà cho người nghèo, thì người sẽ có của báu ở trên trời, rồi hãy đến theo ta”.

Đó là điều kiện dứt bỏ một cách quyết liệt nhưng còn phải quyết liệt hơn nữa đến mức lột xác để trở nên con người mới. Thánh Paul cho cái chết của Chúa KYTÔ là điển hình của sự lột xác đó, người theo KYTÔ là người chịu uống chung “chén đắng”<sup>84</sup> đó với Ngài mới thật sự chịu báp têm mà có Thánh Linh như Ngài,<sup>85</sup> Paul viết :

“ Anh em há chẳng biết rằng hết thầy chúng ta là những con người đã chịu báp têm trong Christ – Jésus, đều đã chịu báp têm trong sự chết của Ngài sao ?

“.... Nếu chúng ta đã được liên hiệp với Ngài trong tình trạng của sự chết Ngài, thì chúng ta cũng sẽ được liên hiệp với Ngài trong tình trạng của sự sống lại Ngài. Vì biết rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Ngài trên thập tự giá, hầu cho thân thể của tội lỗi bị diệt trừ, để chúng ta không còn làm tội mọi cho tội lỗi nữa.... Vậy nếu chúng ta đã đồng chết với Christ, thì chúng ta tin rằng mình cũng sẽ đồng sống với Ngài” (La Mã 6,3,5,6,8)

---

<sup>82</sup> La Mã 8 : 22 : We know that whole creation has been groaning in travail together until now, and not only the creation but we ourselves who have the firstfruits of the Spirit, groan inwardly as we wait for adoption as sons, the redemption of our bodies.

<sup>83</sup> If you would be perfect

<sup>84</sup> Mathiơ 26, 42

<sup>85</sup> Mác 11, 9-11

Đoạn này của Thánh Kinh khiến ta nhớ đến câu : “Từ nhi bất vong giả thọ” của Đạo Đức Kinh hay câu “ Nhân dục tịnh tậ, thiên lý lưu hành” của Nho giáo.

b. Cho nên nhà Đạo học Radakrishnan nhận định về cuộc chuyển hóa ấy như sau :

“ Khi Chúa Kytô phán : “hãy ăn năn tức là hãy chuyển viên tâm linh. Tiếng Hy Lạp dịch nghĩa “ăn năn” là “meta noia” chỉ sự tiến hóa nội tâm, minh triết được chân lý. Nó không có nghĩa “Hối tiếc” đơn thuần mà là sự “phản tỉnh” tức “Minh” (Vidya) thay thế cho “Vô minh” (avidyâ). Từ đó con người có cảm nghĩ và hành động mới. Đó là “ Phục sinh”. Nên Chúa đã nói với Nicodem “nếu chẳng tái sinh thì không vào nước trời được” (Kadarkrishnan east and west)

Chúa đã nhắc lại lời tiên tri E0Sai (Cựu ước : 29,13) mà quở trách kẻ tôn thờ Chúa bằng hình thức, bằng môi miệng mà không có lòng chân thật như sau :

“ Dân này lấy môi miệng tôn trọng ta,  
Nhưng lòng họ xa ta lắm,  
Họ tôn thờ ta luống công  
Vì họ chỉ dạy phàm giáo “ (Mathiơ, 15,8)

c. Muốn không lạc lầm theo Phàm giáo và thực hiện được Thánh giáo, con người phải biết Đạo ở đâu, luật của chúa ở đâu, quyền phép nào nơi con người hiểu biết được luật ấy và sống còn với luật ấy ra sao ?

- Trong Phục truyền luật lệ ký (Detérensme) Thiên Chúa phán :”Thực vậy, lề luật mà Ta truyền dạy người hôm nay, không có ở ngoài tâm kích người. Nó không ở trên trời, để người phải nói :”Ai lên tới cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi nghe biết và thi hành”

“Nó cũng chẳng ở cách trùng dương để người phải nói : Ai sẽ vượt biển cả cho chúng tôi, để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và được thi hành”.

“Đạo ở kề bên người, Đạo ở trong miệng người, trong lòng người, để người có thể đem thực hiện”.<sup>86</sup>

Trong cuốn “Thông điệp tình yêu” Chúa mặc khải rằng : “Hỡi con, con đừng phân án tâm tư bằng ngôn ngữ phù phiếm, nhưng đi sâu vào nội tâm con và hãy tin rằng chính ở đó, con sẽ gặp được Cha<sup>87</sup> (1/65) .Phải đi sâu vào nội tâm có nghĩa nhân tâm, nhân trí không thể biết được Chúa mà thần năng siêu việt hơn của ta có vận dụng được mới thấy nước Trời. Nên Paul phân biệt tâm thể và thần thể (Corps psychique et corps spirituel) như sau : “ Nếu có tâm thể thì cũng có thần thể. Adam trước sống với phàm tâm, Adam sau là Thần ban sự sống. Mà tâm hiện trước rồi thần hiện sau”<sup>88</sup>

Vậy Adam sau là sự sống chủ động. Là quyền năng chủ động chứ không còn là một thợ tạo tách biệt với Tạo Hóa. Adam tự biết mình tức là biết Chúa. Adam đã hiện hữu trong Chúa. Adam đã trở nên “kẻ cao quý” mà Eckhart nói: “Tôi nói rằng kẻ cao quý là kẻ rút hiện hữu mình sinh mệnh mình, và hạnh phúc mình từ Chúa mà thôi... Do đó, Đức Chúa của chúng ta nói rất đúng rằng đời sống vĩnh cửu là hiểu biết Chúa như là Đức Chúa... chân thật duy nhất chứ không phải rằng chính bằng tri thức mà Chúa được biết đến”.<sup>89</sup>

Eckhart nói tiếp : “Con mắt mà tôi nhìn Chúa cũng chính là con mắt mà Chúa nhìn tôi. Mắt tôi và mắt Chúa là một, một trong sự nhìn – một trong hiểu biết và một trong yêu thương”.<sup>90</sup>

---

<sup>86</sup> Deuteronesme 30,11,13,14 : Car euse loi que je le preseris aujourd’hui n’est pas au delà de les moyens ni hers de ton atteints. Elle n’est pas dans les cieux, qu’il faille le dire. “Qui montera pour nous aux cieux nous la chercher, que nous l’attention pour la mettre on pratique”. Elle n’est pas dans au delà du mers qu’il faile dire: “Qui ira pour nous au delà des mers nous la chercher que nous l’entendions pous la mettre eb pratique. Car la Parole est tout pris de toi. Elle est dans la bouche et dans ton coeur pour que tu la mettes on pratique.

<sup>87</sup> Thông điệp tình yêu tr.74, Luca 17 : 20, 21: “Le royaume de Dieu ne doit venir estensiblement. On ne dira pas non plus: “le voici” On “le veilà” car delà le reyaume de Dieu est en vous”

<sup>88</sup> S’il y a un corps psychique, il y a quasi un corps spirituel. C’est auinsi qu’il est érit : “Le premier homme, Adam, a écé fait âme vivante, le dernier Adam est un esprit qui donne la vie. Mais le spirituel. Corinthiens I,15,44,49

<sup>89</sup> Blaknayu, tr.80 Dẫn theo Huyền Học Đạo Phật và Thiên Chúa. Như Hạnh dịch tr.118

<sup>90</sup> Blakney. Tr.206 sđd tr.117

